CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0305173790
Địa chỉ: Số 14A, Đường 85, Khu phố 1, P. Tân Quy, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam
Điện thoại: +84.028. 2211 7898 Website: https://tradincorp.vn

M.S.D.N: 0305173790 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
QUẬN 7 - T.P HỒ CHÍ MINH

TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC TP. HỒ CHÍ MINH

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 6 năm 2025

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Ký ngày: 27/6/2025 17:18:36

MỤC LỤC

1. Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
2. Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
3. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc Công ty về Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.
4. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025.
5. Báo cáo hoạt động của BKS về kết quả kiểm tra giám sát tài chính năm 2024.
6. Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.
7. Danh mục các tờ trình xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025:
   - Tờ trình 01:
     + Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024;
     + Phương án trích lập quỹ và chia cổ tức năm 2024.
   - Tờ trình 02:
     + Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025;
     + Kế hoạch chia cổ tức năm 2025;
   - Tờ trình 03: Phương án chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch năm 2025.
   - Tờ trình 04: Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2025.
   - Tờ trình 05: Thay đổi, điều chỉnh ngành, nghề kinh doanh của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.
   - Tờ trình 06: Phương án chào bán 970.000 cổ phiếu quỹ theo hình thức chào bán riêng lẻ.
8. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;
9. Mẫu Phiếu biểu quyết.

----------//----------

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Tài liệu này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh thì bản bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0305173790
Địa chỉ: Số 14A, Đường 85, Khu phố 1, P. Tân Quy, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam
Điện thoại: +84.28. 2211 7898 Website: https://tradincorp.vn

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Thời gian	Nội dung
8h00 – 8h30	**Đón khách và kiểm tra tư cách đại biểu và cổ đông:** • Đón tiếp đại biểu và cổ đông; • Kiểm tra tư cách đại biểu, phát thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và tài liệu Đại hội.
8h30 – 8h50	**Khai mạc Đại hội:** • Tuyên bố lý do. • Giới thiệu Ban kiểm tra tư cách cổ đông • Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội; • Giới thiệu và thông qua danh sách Đoàn chủ tọa; Ban kiểm phiếu; • Giới thiệu Thư ký đại hội; • Thông qua Chương trình nghị sự và Quy chế làm việc tại đại hội;
8h50 – 9h15	**Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trình bày các nội dung sau:** • Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc Công ty về Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025; • Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và Kế hoạch hoạt động năm 2025; • Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát: Kết quả kiểm tra, giám sát tài chính năm 2024; • Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Tài liệu này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh thì bản bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên.

Thời gian	Nội dung
9h15 – 9h30	**Các nội dung tờ trình Đại hội:** • Tờ trình 01: + Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024; + Phương án trích lập quỹ và chia cổ tức năm 2024; • Tờ trình 02: + Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025; + Kế hoạch chia cổ tức năm 2025; • Tờ trình 03: Phương án chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch năm 2025. • Tờ trình 04: Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2025. • Tờ trình 05: Thay đổi, điều chỉnh ngành, nghề kinh doanh của Công ty. • Tờ trình 06: Phương án chào bán 970.000 cổ phiếu quỹ theo hình thức chào bán riêng lẻ. • Nội dung khác (nếu có).
9h30 – 9h45	Đại hội thảo luận
9h45 – 10h15	Hướng dẫn biểu quyết và Biểu quyết thông qua các báo cáo và tờ trình
10h15 – 10h30	Nghỉ giải lao – Kiểm phiếu biểu quyết
10h30 – 10h35	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết
10h35 – 10h45	Thư ký đại hội trình bày dự thảo Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ; Đại hội biểu quyết thông qua nội dung Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ.
10h45 – 10h50	**Bế mạc Đại hội.**

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC TP.HCM

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;*
- *Điều lệ hiện tại của Công ty cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP Hồ Chí Minh;*
- *Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP.HCM,*

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội để Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

1. MỤC ĐÍCH

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng, quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI

- Đối tượng áp dụng: Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) của cổ đông đang sở hữu cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- Phạm vi áp dụng: Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh.

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Tài liệu này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh thì bản bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên.

3. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ/TỪ VIẾT TẮT

- Công ty : Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)
- Đại hội : Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

4. NỘI DUNG QUY CHẾ

4.1 Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số đại biểu dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ ba được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4.2 Điều kiện cổ đông tham dự Đại hội

Các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách chốt tại ngày **05/3/2025** đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện.

4.3 Khách mời tại Đại hội

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội *(trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).*

4.4 Đại biểu tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân v.v…theo yêu cầu của Ban tổ chức Đại hội.
- Nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Đại hội tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Đại hội.
- Đại biểu đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho đại biểu đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi đại biểu đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.
- Không hút thuốc lá, giữ trật tự trong phòng Đại hội.
- Tuân thủ các quy định của Ban tổ chức, của Chủ tọa điều hành Đại hội.
- Trường hợp có đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

4.5 Chủ tọa và Đoàn chủ tọa

- Đoàn chủ tọa gồm Chủ tọa và các Thành viên.
- Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do HĐQT triệu tập;
- Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;
- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ

điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.

- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.
- Nhiệm vụ của Đoàn chủ tọa:
  - Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
  - Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
  - Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
  - Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- Nguyên tắc làm việc của Đoàn chủ tọa: Đoàn chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

4.6 Thư ký Đại hội

- Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp.
- Nhiệm vụ và quyền hạn:
  - Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
  - Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;
  - Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
  - Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
  - Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

4.7 Ban Kiểm phiếu

- Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
- Nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu:
  - Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
  - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết;
  - Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa.

4.8 Ban Kiểm tra tư cách đại biểu

- Ban Kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm các thành viên theo Nghị quyết Hội đồng quản trị.
- Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra tư cách đại biểu:
  - Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
  - Trưởng Ban Kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

4.9 Phát biểu tại Đại hội

- Đại biểu tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội. Đại biểu phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua hoặc gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký Đại hội tổng hợp báo cáo Chủ tọa.
- Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho đại biểu phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông tại Đại hội hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

4.10 Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

4.10.1 Nguyên tắc

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.

- Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.
- Chủ tọa đề xuất các hình thức biểu quyết đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình để Đại hội thông qua.
- Hình thức biểu quyết như sau:
  - Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Nhân sự Đoàn chủ tọa; Nhân sự Ban Kiểm phiếu; thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội.
  - Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các Báo cáo, tờ trình và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có)

4.10.2 Cách thức biểu quyết

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Mục 4.10.1.
- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban Kiểm tra tư cách đại biểu/Ban Kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến và Không hợp lệ.
- Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu "X" hoặc "✓" vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

4.10.3 Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết

➢ **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC Đại hội phát ra, có đóng dấu đỏ của Công ty, không tẩy xoá, cạo sửa, rách, nát, ... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (Báo cáo, Tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

➢ **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:**

- Ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết;
- Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC Đại hội phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, phiếu không có chữ ký, không ghi đầy đủ họ tên của đại biểu, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

4.10.4 Thể lệ biểu quyết

Cứ 01 (một) cổ phần phổ thông tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (**ngày 05/3/2025**) tổng số cổ phần của Công ty là: 22.638.165 cổ phần tương đương với 22.638.165 quyền biểu quyết.
- Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 1 Điều 31 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành.
- Lưu ý:
  - Cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp 2020).
  - Cổ đông/ đại diện ủy quyền cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó không có quyền biểu

quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 10% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất) giữa Công ty với cổ đông đó (theo Điểm b, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020).

4.10.5 Ghi nhận kết quả biểu quyết

- Tại Đại hội, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua Ban Kiểm phiếu.
- Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ thu phiếu biểu quyết.
- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

4.10.6 Biên bản, Nghị Quyết họp ĐHĐCĐ

Tất cả các nội dung tại Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được Thư ký Đại Hội ghi vào Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại Hội.

5. THỰC HIỆN

- Tất cả các đại biểu, người đại diện, khách mời tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại Quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.
- Người triệu tập ĐHĐCĐ có quyền:
  - Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
  - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ Công ty biểu quyết thông qua.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Nhã

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT, Ban TGĐ, BKS;
- Lưu: VT, Thư ký.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC TP.HCM

BÁO CÁO

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2024 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Tài liệu này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh thì bản bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP. Hồ Chí Minh

I. Căn cứ pháp lý:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ hiện tại của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Quy chế quản trị nội bộ Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP. Hồ Chí Minh;
- Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty,

II. Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc:

- Ông Nguyễn Anh Vũ – Tổng Giám đốc
- Ông Đặng Nguyễn Ngọc Nam – Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Chánh Trực – Kế toán trưởng

III. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024:

Năm 2024 là năm bứt phá để hoàn thành Kế hoạch 5 năm 2021 – 2025 trong bối cảnh nền kinh tế phải chịu tác động nặng nề từ hậu quả của đại dịch Covid-19. Các mục tiêu, định hướng và giải pháp đề ra phải mạnh mẽ, quyết liệt, hiệu quả hơn, bảo đảm tính khả thi, đồng bộ, phù hợp khả năng thực hiện của các bộ, ngành, địa phương, gắn với khả năng cân đối, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực nhằm quyết tâm vượt khó, tạo ra chuyển biến mạnh mẽ, thực chất.

Năm 2024, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường với nhiều yếu tố rủi ro, bất định. Xung đột quân sự tiếp tục leo thang, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn diễn ra ngày càng gay gắt, nhiều quốc gia tăng cường chính sách bảo hộ thương mại, nợ công và thâm hụt ngân sách gia tăng, sự tụt dốc của một số nền kinh tế lớn, chuỗi cung ứng toàn cầu đứt gãy cục bộ, đã tác động đến hòa bình, ổn định và tăng trưởng kinh tế thế giới. Tuy nhiên, kinh tế thế giới đang dần ổn định khi thương mại

hàng hóa toàn cầu được cải thiện trở lại, áp lực lạm phát giảm dần, điều kiện thị trường tài chính tiếp tục được nới lỏng, thị trường lao động phục hồi tích cực.

Kinh tế Việt Nam năm 2024 trên đà phục hồi mạnh mẽ. Tăng trưởng kinh tế có nhiều khởi sắc, vượt chỉ tiêu đề ra. Hoạt động của khu vực doanh nghiệp có dấu hiệu "ấm dần" khi Chính phủ quyết liệt cải cách thể chế, môi trường kinh doanh. Năm 2024 đánh dấu một năm Chính phủ chủ động, linh hoạt trong điều hành chính sách vĩ mô. Lạm phát cơ bản được kiểm soát, sản xuất phục hồi ấn tượng, đầu tư nước ngoài khởi sắc, sẵn sàng tâm thế đón nhận làn sóng đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thế hệ mới, kim ngạch xuất khẩu đạt mốc lịch sử mới. Tăng trưởng kinh tế cả năm 2024 đạt 7,09% – là điểm sáng về tăng trưởng kinh tế trong khu vực và trên thế giới, mở ra một bước chuyển mình mới, giai đoạn phát triển kinh tế Việt Nam trong 2025 – 2030, nấc thang mới, thể hiện tinh thần vươn mình, nỗ lực vượt bậc nhằm đạt được mức tăng trưởng đột phá và phát triển bền vững.

Mặc dù nền kinh tế trong năm 2024 đang trên đà hồi phục nhưng Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP.HCM (Công ty Tradincorp) vẫn còn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức và nỗ lực hết mình trong môi trường hoạt động cạnh tranh ngày càng gay gắt. Công ty Tradincorp dưới sự chỉ đạo của các cổ đông lớn là Thành viên góp vốn, đặc biệt của Tổng Công ty Điện lực TP.HCM, Tổng Công ty Điện lực Miền Nam cùng với Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành cùng toàn thể Cán bộ nhân viên đã quyết tâm khắc phục những khó khăn để ra sức thi đua lao động sản xuất và cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong kỳ đại hội thường niên năm 2024, đạt kết quả như sau:

1. Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024:

1.1 Kết quả sản xuất kinh doanh 12 tháng năm 2024:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	% tỷ lệ TH/KH
1	Tổng doanh thu	190.284.485.973	378.766.255.017	199,08%
2	Tổng chi phí	188.460.987.189	376.753.129.050	199,91%
3	Lợi nhuận trước thuế	1.823.498.784	2.013.125.967	110,40%
4	Lợi nhuận sau thuế năm 2024	1.458.799.027	1.610.500.774	110,40%
5	Tỷ suất LNSL trên VCSH	0,62%	0,68%	

1.2 Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 sau kiểm toán:

- Tổng doanh thu: 378.766.255.017 đồng.
- Tổng chi phí: 384.501.799.477 đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: - 5.735.544.460 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2024: - 6.927.972.867 đồng.
- Lợi nhuận lũy kế đến năm 2024: - 5.283.923.580 đồng.
- Tỷ suất LNSL trên VCSH: - 2,93 %

2. Nguyên nhân gây lỗ kết quả SXKD năm 2024 trong báo cáo sau kiểm toán:

- Phân bổ thêm chi phí chung chưa kết chuyển vào giá vốn từ năm 2022 đến năm 2024: 3,542 tỷ đồng.
- Phân bổ vào chi phí 50 ngăn tủ RMU bảo hành của 02 HĐ 1204 & 4928/2016/HĐ-EVNHCM-TRADINCORP ngày 05/04/2016 & 15/11/2016 với tổng số tiền 3,723 tỷ đồng.
- Phân bổ các khoản chi phí treo dở dang của các hợp đồng đã thanh lý, bộ phận Kinh doanh 0,708 tỷ, Bộ phận TTTV 0,709 tỷ đồng.
- Trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi của Công ty TNHH Kỹ Thuật NNB 0,258 tỷ đồng.

↳ ***Tổng số tiền đưa vào chi phí sau kiểm toán: 8,940 tỷ đồng.***

3. Phân tích, đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024:

Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024, toàn thể cán bộ nhân viên Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP.HCM đã cố gắng dốc toàn lực để hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 giao phó.

Tính đến thời điểm 31/12/2024, Công ty ghi nhận mức tổng doanh thu đạt được là 378,76 tỷ đồng, đạt kỷ lục doanh thu cao nhất trong suốt 17 năm qua kể từ ngày thành lập đến nay, đạt 199,08% kế hoạch năm 2024, tăng 233,57% so với kết quả cùng kỳ năm 2023 (tổng doanh thu năm 2023: 162,166 tỷ đồng). Lợi nhuận năm 2024 đạt 2,013 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 110,40%, bằng 114,63% so với năm 2023 (lợi nhuận năm 2023 đạt: 1,756 tỷ đồng).

Doanh thu năm 2024 chung toàn Công ty vượt nhiều hơn so với dự kiến đề ra. Tuy nhiên, vẫn còn một số bộ phận chưa đạt kết quả như mong muốn ban đầu. Công ty Tradincorp giải trình về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trong đó

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Tài liệu này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh thì bản bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên.

có cả việc không hoàn thành kế hoạch được giao của Trung tâm tư vấn, xuất phát từ nhiều nguyên nhân khách quan, lẫn chủ quan.

Những thành tựu này không chỉ là kết quả của sự nỗ lực không ngừng nghỉ của từng cá nhân mà còn là sự đoàn kết, hợp tác chặt chẽ của tất cả mọi người và sự hỗ trợ, ủng hộ của các khách hàng, đối tác của Công ty Tradincorp. Trong đó có một số nguyên nhân chính, tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như giúp Công ty gặt hái được kết quả khả quan trong năm 2024 là:

- Duy trì được các hợp đồng, các gói thầu lớn từ khách hàng dựa vào uy tín thương hiệu Công ty đã xây dựng;
- Được sự ủng hộ và hỗ trợ từ các đối tác là cổ đông lớn như Tổng Công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh, Tổng Công ty Điện lực Miền Nam, ...;
- Duy trì được đội ngũ lao động ổn định, có chuyên môn đảm bảo hệ thống quản trị tốt nhất, xử lý nhanh chóng, kịp thời các vấn đề phát sinh, giảm chi phí...;
- Duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, hoàn thiện hệ thống quản lý, giảm thiểu các rủi ro;
- Xây dựng hệ thống quy trình, quy định rõ ràng, minh bạch. Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, đoàn kết gắn bó trong nội bộ doanh nghiệp. Đẩy mạnh hoạt động đầu tư vào công nghệ thông tin, ứng dụng chuyển đổi số trong nhiều lĩnh vựa hoạt động của Công ty, nhờ đó hầu hết các quy trình, vận hành được nhanh chóng và hiệu quả.

IV. Một số các hoạt động đã triển khai trong năm 2024:

1. Hoạt động quản lý dự án:

Công tác quản lý dự án: Công ty đã phối hợp các đơn vị liên quan hoàn tất đóng điện tuyến 500kV Gói 5 "Gói thầu EPC đường dây 500 -110kV" còn lại vào tháng 9/2024; Thực hiện nghiệm thu đưa vào sử dụng và thanh quyết toán gói 6 "Gói thầu EPC cáp ngầm 220kV" và gói 7 "Gói thầu EPC cáp ngầm 110kV" hoàn tất vào Quý IV/2024. Tổ chức lựa chọn nhà thầu và thu hồi các tuyến cao thế 500kV, 220kV, 110kV, hoàn thành quyết toán cho toàn dự án trong năm 2024.

2. Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực:

- Hoạch định tốt hệ thống nguồn nhân lực Công ty Tradincorp; Thực hiện đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp phù hợp với chuyên môn của người lao động.

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Tài liệu này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh thì bản bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên.

- Đề xuất và hỗ trợ người lao động đủ điều kiện tham gia các khóa huấn luyện, đào tạo nâng cao công tác chuyên môn: tham gia các khóa học chứng chỉ hành nghề giám sát, chứng chỉ thiết kế, chứng chỉ đấu thầu, chứng chỉ Chỉ huy trưởng công trình, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, ...

3. Hoạt động kinh doanh – tiếp thị truyền thông:

- Yếu tố minh bạch được xem là một trong những tiêu chí hàng đầu của Công ty Tradincorp để gắn kết và tạo niềm tin cho cổ đông, khách hàng. Công ty Tradincorp luôn đảm bảo công bố đầy đủ, chính xác, trung thực thông tin trên các nền tảng số, website theo quy định.
- Duy trì định kỳ các báo cáo: Báo cáo thường niên, Báo cáo Quản trị Công ty, Báo cáo tài chính trên website chính thức để thông tin về tình hình hoạt động, chiến lược của Công ty.
- Tiếp tục xây dựng hình ảnh Công ty Tradincorp hoạt động trách nhiệm với xã hội, bảo vệ môi trường.

4. Công tác giải quyết, thu hồi công nợ:

- Trong năm 2024, Công ty tiếp tục đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ, đặc biệt đối với các khoản nợ lâu năm, khó đòi.
- Thực hiện việc trích lập dự phòng rủi ro theo quy định pháp luật để giảm thiểu rủi ro tài chính Công ty đối với những khoản nợ quá thời hạn xử lý sau khi Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp đòi nợ nhưng không thành.
- Áp dụng phương án tiến hàng khởi kiện ra tòa, nhờ vào tòa án để có thể thực hiện các biện pháp cưỡng chế khách hàng để thu hồi công nợ khó đòi lâu năm.
- Tháng 9 năm 2024 Công ty Tradincorp đã giải quyết hoàn tất vấn đề công nợ liên quan đến 6 Hợp đồng giữa Công ty Tradincorp và các Chủ đầu tư HBM ký ngày 12/11/2020 đối với hạng mục thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình "Hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái hòa lưới 1 x 925KWP tại KCN Cầu cảng Phước Đông". Đây là khoản công nợ lớn đã tồn tại kéo dài suốt nhiều năm qua và đã gây ra những khó khăn không nhỏ đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5. Công tác nhân sự, tiền lương và chế độ chính sách:

- Công ty Tradincorp luôn trân trọng những giá trị do người lao động tạo ra và đóng góp vào thành công chung bởi nguồn nhân lực chính là tài sản quý giá nhất. Mỗi một thành viên là một mắt xích quan trọng, gắn kết nhịp nhàng để cỗ máy doanh nghiệp hoạt động được trơn tru, giúp Công ty có những bước

phát triển đột phá, tự tin vươn xa hội nhập. Tính đến thời điểm 31/12/2024, tổng số CBNV Công ty Tradincorp là 53 người.

- Tất cả các CBNV trong công ty đều được ký hợp đồng lao động theo đúng các Điều khoản trong Luật Lao động và có công việc làm ổn định và phù hợp.
- Tiền lương, thưởng được chi trả theo Quy chế tiền lương của Công ty, được xây dựng phù hợp với các qui định về quản lý tiền công, tiền lương và hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị. Tuân thủ đúng quy định trong việc trả tiền lương thời gian theo chế độ: trả lương cho những ngày nghỉ Lễ, phép, học tập, nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ do tai nạn lao động và các chế độ lao động nữ.
- Thực hiện việc mua bảo hiểm rủi ro cho toàn thể CBNV.
- Làm việc tại Công ty, người lao động có cơ hội thăng tiến, được bổ nhiệm vào các chứ vụ quản lý theo năng lực cá nhân.

6. Hoạt động an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ:

- Thực hiện thường xuyên công tác nhận diện rủi ro và đánh giá rủi ro.
- Tất cả các đơn vị của Công ty đều được trang bị đầy đủ phương tiện làm việc.
- Đối với các CBNV là lao động trực tiếp, Công ty đã trang bị bảo hộ lao động đáp ứng điều kiện thi công tại công trường.
- Khám sức khỏe định kỳ hàng năm đối với người lao động.
- Thực hiện diễn tập công tác PCCC, cứu nạn cứu hộ hàng năm.
- Quan trắc, đánh giá môi trường làm việc của người lao động nhằm đảm bảo môi trường xanh, sạch, tốt nhất có thể để người lao động yên tâm làm việc.

7. Hoạt động văn hóa doanh nghiệp:

- Văn hóa doanh nghiệp là chất xúc tác gắn kết các thành viên trong doanh nghiệp. Trải qua 17 năm lịch sử hình thành và phát triển đã góp phần tạo nên một Tradincop bền vững. Với mục tiêu xây dựng Văn hóa doanh nghiệp đi đôi với hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tạo ra những giá trị thặng dư – nhiều chiến lược đã được đặt ra và hiện thực hóa trong nỗ lực xây dựng một Tradincorp với văn hóa doanh nghiệp gắn bó bền chặt và phát triển bền vững.
- Duy trì thường xuyên việc chúc mừng sinh nhật, thăm hỏi động viên đoàn viên bị đau bệnh. Chính quyền kết hợp với Công đoàn vận động CBNV quyên góp tương trợ viếng thăm chia buồn gia đình CBNV có người thân qua đời.

- Tổ chức các chương trình chúc mừng nhân các ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10.

8. Công tác khác:

Song song với hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty tiếp tục quan tâm hỗ trợ đến các phong trào, hoạt động do các tổ chức Đảng, Công đoàn, Thanh niên phát động để hỗ trợ phát triển sản xuất.

V. Đánh giá của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng, địa phương:

Hiểu rõ môi trường sống tốt, trong lành là nhu cầu thiết yếu và quan trọng đối với con người. Trên tinh thần trách nhiệm và tự nguyện, Công ty cố gắng cải thiện môi trường làm việc cho người lao động.

Nhận thức được tầm quan trọng và lợi ích của việc thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng, địa phương trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, Công ty Tradincorp ngoài trách nhiệm đóng thuế cho Nhà nước còn nỗ lực thực hiện trách nhiệm xã hội với các cam kết: đối với xã hội trong việc bảo vệ môi trường, với cộng đồng địa phương nơi doanh nghiệp hoạt động và với người lao động nhằm hướng đến con đường phát triển bền vững đảm bảo hài hòa lợi ích giữa kinh tế – xã hội – môi trường.

Thực hiện tốt trách nhiệm với công đồng, xã hội sẽ giúp kinh doanh tốt hơn và kinh doanh chỉ phát triển tốt nếu trong một xã hội văn minh, môi trường tốt.

VI. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 và giải pháp thực hiện:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:

Kết quả tích cực trong tăng trưởng kinh tế năm 2024, tạo đà, khí thế mới để phấn đấu tăng trưởng bứt phá trong năm 2025, chuẩn bị cho giai đoạn tăng trưởng cao 2026 – 2030. Từ những khó khăn – thuận lợi trên, Công ty Tradincorp đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 như sau:

- Tổng doanh thu:	225,000 tỷ đồng
- Tổng chi phí:	222,328 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế:	2,671 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế:	2,137 tỷ đồng
- Tỷ suất LNSL trên VCSH:	0,90 %

2. Giải pháp chung SXKD năm 2025:

a. Giải pháp trong lĩnh vực kinh doanh:

- Tham gia cung cấp dịch vụ tư vấn, mua sắm, thi công các công trình điện cho các đơn vị trong EVNHCMC; EVNSPC;
- Tham gia cung cấp dịch vụ tư vấn, mua sắm, thi công các công trình điện các khách hàng bên ngoài khi có điều kiện thuận lợi, an toàn,...;
- Tiếp tục thu hồi các khoản nợ lâu năm và phối hợp với các đối tác là đơn vị có vốn nhà nước đang còn nợ Công ty sớm trả nợ để tránh bị trích lập dự phòng làm báo Công ty bị báo cáo lỗ;
- Tiếp tục thực hiện việc phát hành 970.000 cổ phiếu quỹ còn lại, nguồn vốn thu được phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và các năm sau;
- Điều chỉnh ngành nghề hoạt động của Công ty, tạo điều kiện cho Nhà đầu tư nước ngoài được sở hữu cổ phiếu của Công ty;
- Chủ động xây dựng kịch bản tăng doanh thu theo các mức khác nhau cho năm 2025 và giai đoạn 2026 – 2030. Kịch bản tăng trưởng cần chỉ rõ từng ngành nghề, từng lĩnh vực phải tăng bao nhiêu và xác định rõ tiềm năng, động lực, nguồn lực cụ thể là gì để chuẩn bị và khai thác các nguồn lực cho phát triển;

b. Công tác tài chính:

- Chuẩn bị nguồn vốn để luôn sẵn sàng đáp ứng năng lực tổng thầu các dự án với quy mô lớn.
- Chủ động làm việc với các tổ chức tín dụng để tìm kiếm nguồn vốn với lãi suất ưu đãi.

c. Công tác nhân sự:

- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, tạo cơ hội phát triển bản thân và thu nhập cạnh tranh để thu hút nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- Đào tạo, luân chuyển và thường xuyên đánh giá năng lực CBNV để bố trí công việc phù hợp. Trẻ hóa nhân sự cấp quản lý, tăng cường bồi dưỡng nhân sự quản lý trực tiếp tại công trình.
- Tiếp cận và ứng dụng trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, tuần hoàn, phát thải các-bon thấp, tiết kiệm tài nguyên, phát triển bền vững ....

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Tài liệu này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh thì bản bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên.

- Đảm bảo thu nhập người lao động và thực hiện chính sách chế độ cho người lao động theo quy định.
- Thực hiện tinh gọn bộ máy, xây dựng nhằm vận hành hiệu lực, hiệu quả: Duy trì việc sắp xếp lại tổ chức Công ty để hoạt động hiệu quả, tiết kiệm chi phí, sử dụng chi phí hợp lý để tiết kiệm chi phí trong sản xuất kinh doanh, tăng khả năng cạnh tranh trong dự thầu.
- Nâng cao hiệu suất và kiểm soát kết quả công việc; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh; thúc đẩy áp dụng mô hình quản lý linh hoạt.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025 của Ban Tổng Giám đốc.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng./.

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Anh Vũ

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *Lưu VP.*

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Tài liệu này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh thì bản bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC TP.HCM

BÁO CÁO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Báo cáo tình hình hoạt động năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Tài liệu này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh thì bản bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP. Hồ Chí Minh

I. Căn cứ pháp lý:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ hiện tại của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Quy chế quản trị nội bộ Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP. Hồ Chí Minh;
- Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty,

II. Cơ cấu Hội đồng quản trị:

- Ông Nguyễn Thanh Nhã – Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Anh Vũ – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Ông Châu Thanh Phong – Thành viên HĐQT không điều hành
- Bà Trương Ngô Sen – Thành viên HĐQT không điều hành
- Bà Nguyễn Thị Kim Loan – Thành viên HĐQT không điều hành

III. ĐÁNH GIÁ VỀ VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024:

1. Đánh giá về kết quả hoạt động SXKD năm 2024:

- Năm 2024, Công ty ghi nhận mức tổng doanh thu đạt được là 378,76 tỷ đồng, đạt 199,05% kế hoạch năm 2024, tăng 233,57% so với kết quả cùng kỳ năm 2023 (tổng doanh thu năm 2023: 162,166 tỷ đồng).
- Lợi nhuận năm 2024 đạt 2,013 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 110,40%, bằng 114,63% so với năm 2023 (lợi nhuận năm 2023 đạt: 1,756 tỷ đồng).
- Tuy nhiên, kết quả ghi nhận sau báo cáo kiểm toán độc lập không khả quan, cụ thể:
  + Lợi nhuận trước thuế: - 5.735.544.460 đồng.

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Tài liệu này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh thì bản bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên

+ Lợi nhuận sau thuế năm 2024: - 6.927.972.867 đồng.
+ Lợi nhuận lũy kế đến năm 2024: - 5.283.923.580 đồng.
+ Tỷ suất LNSL trên VCSH: - 2,93 %

Nguyên nhân gây lỗ kết quả SXKD trong báo cáo sau kiểm toán:

- Phân bổ thêm chi phí chung chưa kết chuyển vào giá vốn từ năm 2022 đến năm 2024: 3,541 tỷ đồng.
- Phân bổ vào chi phí 50 ngăn tủ RMU bảo hành của 02 HĐ 1204 & 4928/2016/HĐ-EVNHCM-TRADINCORP ngày 05/04/2016 & 15/11/2016 với tổng số tiền 3,723 tỷ đồng.
- Phân bổ các khoản chi phí treo dở dang của các hợp đồng đã thanh lý, bộ phận Kinh doanh 0,708 tỷ, Bộ phận TTTV 0,709 tỷ đồng.
- Trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi của Công ty TNHH Kỹ Thuật NNB 0,258 tỷ đồng.

Tổng số tiền đưa vào chi phí sau kiểm toán: 8,939 tỷ đồng.

2. Đánh giá về một số hoạt động khác:

- Chi trả cổ tức năm 2023: Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 được thông qua ngày 27/4/2024, cổ tức năm 2023 là 0%. Vì vậy, năm 2024 Công ty không thực hiện chi trả cổ tức năm 2023 cho cổ đông hiện hữu, tiếp tục chi trả cổ tức cho cổ đông chưa nhận của các năm trước.
- Chi trả thù lao Hội đồng quản trị năm 2024 theo Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.
- Lựa chọn Công ty TNHH Kiểm Toán & Dịch Vụ Tin Học MOORE AISC là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ năm 2024 cho Công ty Tradincorp.
- Chưa thực hiện việc chào bán 970.000 cổ phiếu quỹ còn lại theo hình thức chào bán riêng lẻ theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua do chưa tìm được nhà đầu tư đáp ứng đủ điều kiện để sang nhượng.

IV. BÁO CÁO THEO NGHỊ ĐỊNH 155, ĐIỀU LỆ CÔNG TY/ LUẬT DOANH NGHIỆP 2024

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị tại Điều

280 Nghị định 155, Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty năm 2024:

- Lương, thù lao của Hội đồng quản trị được chi trả theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
- Hội đồng quản trị có các thành viên kiêm nhiệm các vị trí trong Ban Tổng Giám đốc, do đó ngoài thù lao, các thành viên này nhận được tiền lương theo từng vị trí.
- Thu nhập bao gồm tiền lương, thù lao của Tổng Giám đốc và các thành viên Hội đồng quản trị trong năm như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Tiền lương – thù lao (vnđ)
1	Ông Nguyễn Thanh Nhã	Chủ tịch HĐQT	27/4/2023	10.000.000
2	Ông Nguyễn Anh Vũ	Thành viên HĐQT điều hành kiêm Tổng Giám đốc	27/4/2023	50.000.000
3	Ông Châu Thanh Phong	Thành viên HĐQT không điều hành	19/4/2022	7.000.000
4	Bà Trương Ngô Sen	Thành viên HĐQT không điều hành	19/4/2022	7.000.000
5	Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên HĐQT không điều hành	19/4/2022	7.000.000

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc đều được trình bày tại Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán.

Trong năm 2024 không có sự thay đổi thành viên trong Hội đồng quản trị.

2. Tổng kết các cuộc họp Hội đồng quản trị và các Quyết định của Hội đồng quản trị:

2.1 Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %
1	Ông Nguyễn Thanh Nhã	Chủ tịch HĐQT	3.780	0.00016

2	Ông Nguyễn Anh Vũ	TV. HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0	
3	Ông Châu Thanh Phong	Thành viên HĐQT	0	
4	Bà Trương Ngô Sen	Thành viên HĐQT	0	
5	Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên HĐQT	2.000	0.00008

2.2 Các cuộc họp Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Thanh Nhã	6/6	100%	
2	Ông Nguyễn Anh Vũ	6/6	100%	
3	Bà Trương Ngô Sen	6/6	100%	
4	Bà Nguyễn Thị Kim Loan	6/6	100%	
5	Ông Châu Thanh Phong	6/6	100%	

Giữa các kỳ họp Hội đồng quản trị, để kịp thời giải quyết các công việc cần có ý kiến của Hội đồng quản trị liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động quản lý, Công ty đã tổ chức lấy ý kiến biểu quyết của Hội đồng quản trị bằng văn bản. Các hồ sơ tổ chức lấy ý kiến biểu quyết này được thực hiện theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan, đúng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và dưới sự giám sát của Ban kiểm soát Công ty (các hồ sơ gửi lấy ý kiến Hội đồng quản trị đều được gửi cho Ban kiểm soát theo đúng thể thức, nội dung và thời hạn như đối với các thành viên Hội đồng quản trị). Tổng số hồ sơ lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản trong năm 2024 là 4 hồ sơ.

3. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (năm 2024):

- **Nghị quyết của Hội đồng quản trị:**

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1.	004/NQ-TRADIN-HĐQT. IV	5/2/2024	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua Kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2024	100%
2.	007/NQ-TRADIN-HĐQT. IV	29/3/2024	Nghị quyết HĐQT về việc báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán	100%
3.	010/NQ-TRADIN-HĐQT. IV	1/4/2024	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua dự thảo tài liệu Đại hội cổ đông thường niên năm 2024	100%
4.	011/NQ-TRADIN-HĐQT. IV	1/4/2024	Nghị quyết HĐQT kỳ họp tháng 4 năm 2024	100%
5.	012/NQ-TRADIN-HĐQT. IV	19/4/2024	Nghị quyết HĐQT về việc điều chỉnh dự thảo tài liệu Đại hội cổ đông thường niên năm 2024	100%
6.	013/NQ-TRADIN-HĐQT. IV	1/4/2024	Nghị quyết HĐQT về việc điều chỉnh thu nhập của TGĐ	100%
7.	020/NQ-TRADIN-HĐQT. IV	15/07/2024	Nghị quyết HĐQT v.v lựa chọn phương án xử lý công nợ của Công ty CP IMG Phước Đông	100%
8.	024/NQ-TRADIN-HĐQT. IV	17/09/2024	Nghị quyết HĐQT về việc thay đổi người đại diện pháp luật và cơ cấu Công ty con – Công ty TNHH Tradin One	100%
9.	027/NQ-TRADIN-HĐQT. IV	23/10/2024	Nghị quyết HĐQT kỳ họp quý 4 năm 2024	100%

4. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty năm 2024:

a. Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị ("HĐQT") trong năm 2024:

Trong năm 2024, hoạt động thi công xây lắp tại Công ty chưa phục hồi như mong đợi, đồng thời ảnh hưởng do sự tăng giá của vật tư thiết bị, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành đưa ra những giải pháp thích ứng linh hoạt trong việc tổ chức thực hiện các mục tiêu và kế hoạch đã đề ra. Với sự chủ động, linh hoạt và nhạy bén, Hội đồng quản trị đã định hướng:

- Quản trị Công ty theo những thông lệ quản trị tốt nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông và các bên liên quan.
- Điều phối sử dụng dòng tiền hợp lý cho các hoạt động đầu tư, kế hoạch thanh toán linh hoạt đối với nhà thầu phụ/nhà cung cấp.
- Các chế độ, chính sách đối với người lao động đã được Công ty thực hiện tốt tạo được niềm tin của người lao động đối với Công ty.
- Hội đồng quản trị đã triển khai nhiều cuộc họp để bàn bạc, thống nhất các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, hoạch định chiến lược và đưa ra các quyết định, chỉ đạo kịp thời mang tính định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong đó, các nội dung trọng yếu đã được Hội đồng quản trị thông qua như sau:
  + Thông qua kế hoạch tổ chức và tài liệu trình Đại hội cổ đông thường niên 2024.
  + Phương án chi trả cổ tức: 0%.
  + Bổ nhiệm, luân chuyển nhân sự cao cấp đảm bảo công tác điều hành Công ty.

b. Thực hiện trách nhiệm với cổ đông:

- Công tác công bố thông tin được chú trọng và thực hiện đầy đủ minh bạch.
- Hỗ trợ cổ đông điều chỉnh cập nhật thông tin lưu ký. Thực hiện giải đáp thông tin liên quan đến quyền – lợi ích cổ đông.
- Thông tin đến cổ đông về việc không chi trả cổ tức cho năm 2023 và tiếp tục chi trả cổ tức của các năm trước cổ đông chưa nhận.

c. Hoạt động của từng thành viên Hội đồng quản trị:

Bên cạnh việc hoàn thành các trách nhiệm chung của Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị đã hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty trong việc triệu tập, tổ chức họp cũng như phân công nhiệm vụ đối với từng thành viên Hội đồng quản trị. Chủ trì toàn diện công tác quản trị hoạt động của Công ty. Hoàn thành nhiệm vụ theo phân công của Hội đồng quản trị, kiểm soát tốt công tác công bố thông tin theo quy định và giám sát, đánh giá liên quan đến hoạt động của kiểm soát nội bộ Công ty, đảm bảo và đại diện cho quyền lợi của cổ đông nhỏ lẻ.
- Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành khác đã hoàn thành các nhiệm vụ phân công, có những đóng góp sáng tạo, kịp thời đối với hoạt động chung của Hội đồng quản trị.
- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

V. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC:

- HĐQT chỉ đạo định hướng công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc, giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc.
- Tổng Giám đốc chủ động báo cáo, xin ý kiến phê duyệt từ HĐQT khi có phát sinh vướng mắc trong hoạt động điều hành để đưa ra các giải pháp kịp thời.
- Hội đồng Quản trị thực hiện quyền giám sát đối với Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý thông qua việc thực hiện chế độ báo cáo thường kỳ, kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao theo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.
- Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành Công ty thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đã được thông qua trong Đại hội cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong các cuộc họp thường kỳ cũng như lấy ý kiến bằng văn bản.
- Trọng tâm hoạt động của Hội đồng quản trị là chỉ đạo và hỗ trợ Ban điều hành Công ty định hướng lại các ngành nghề kinh doanh, sắp xếp lại bộ máy, xây dựng và ban hành các qui chế quản lý nội bộ.
- Thông qua các hồ sơ lấy ý kiến biểu quyết của Hội đồng quản trị bằng văn bản, Hội đồng quản trị cũng thể hiện trách nhiệm trong việc tham gia giám sát và giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Bên cạnh các việc đã hoàn thành vẫn còn công tác thoái vốn dự án Điện gió vẫn chưa thực hiện xong và sẽ tiếp tục thực hiện trong năm 2025. Thù lao, chi phí

hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.

- Năm 2024, Hội đồng quản trị đánh giá cao sự chủ động, linh hoạt và sáng tạo quyết tâm cao của Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể CBNV Công ty trong việc tổ chức triển khai các hoạt động kinh doanh, đồng thời thực hiện tốt công tác quản trị nội bộ giúp Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu, đi theo đúng chiến lược đề ra trước những khó khăn trong thời kỳ phục hồi sau tác động tiêu cực của đại dịch, sự tăng giá của nguyên liệu sản xuất và chi phí nhân công tăng.

VI. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:

- Tổng doanh thu: 225,000 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận sau thuế: 2,137 tỷ đồng.

2. Giải pháp trong lĩnh vực kinh doanh:

- Tập trung chỉ đạo quản trị định hướng hoạt động kinh doanh và đưa ra những chỉ đạo kịp thời nâng cao hiệu quả kinh doanh, đảm bảo kế hoạch đề ra.
- Chỉ đạo thực hiện tăng cường kiểm soát rủi ro và kiểm soát chi phí để nâng cao hiệu quả.

3. Công tác quản trị Công ty

- Vận hành hệ thống kiểm soát và quản lý rủi ro, tiếp tục nâng cao không ngừng hệ thống quản trị doanh nghiệp.

4. Công tác quan hệ cổ đông:

- Đẩy mạnh công tác truyền thông và quan hệ cổ đông cũng như nhà đầu tư.

5. Công tác khác:

- Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc bám sát và thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị.
- Tiếp tục chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản lập quy nội bộ của Công ty.
- Duy trì hoạt động công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo luật định. Chủ động công bố các thông tin khác liên quan đến hoạt động của Công ty.
- Tập trung triển khai giám sát và định hướng phát triển toàn diện các hoạt động kinh doanh của Công ty, tăng cường công tác quản trị rủi ro.

VII. BÁO CÁO VỀ CÁC GIAO DỊCH

1. Giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó: Không có

2. Giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: Không có

VIII. CÁC NỘI DUNG KHÁC

- Trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 vào ngày 27/4/2024. Các vấn đề xin ý kiến được Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện nghiêm túc, triệt để.
- Tuy nhiên, trong những vấn đề đã được Đại hội thông qua đó, đối với nội dung "Thông qua phương án phát hành 970.000 cổ phiếu quỹ còn lại với hình thức riêng lẻ". Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP. Hồ Chí Minh chỉ mới phát hành được 1.000.000 cổ phiếu cho Nhà đầu tư.

Hiện tại, vẫn còn 970.000 cổ phiếu quỹ chưa phát hành được do chưa tìm được nhà đầu tư nhận chuyển nhượng.

Dự kiến việc sang nhượng 970.000 cổ phiếu quỹ sẽ tiếp tục được thực hiện chuyển nhượng sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua.

Trên đây là báo cáo tóm tắt hoạt động của Hội đồng quản trị về thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thanh Nhã

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *Lưu VP.*

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Tài liệu này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh thì bản bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC TP.HCM

BÁO CÁO

BAN KIỂM SOÁT

Kết quả kiểm tra, giám sát tài chính năm 2024 tại Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP.HCM

(số liệu dựa trên BCTC hợp nhất đã được kiểm toán)

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Tài liệu này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh thì bản bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP. Hồ Chí Minh

I. Căn cứ pháp lý:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC 31 tháng 12 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ hiện tại của Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP. Hồ Chí Minh;
- Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty dựa trên số liệu BCTC hợp nhất sau kiểm toán năm 2024 do Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Moore AISC phát hành,

II. Cơ cấu Ban kiểm soát:

- Ông Nguyễn Việt Hùng – Trưởng Ban
- Ông Trần Minh Đức – Thành viên
- Bà Trịnh Thị Thanh Thảo – Thành viên

Thực hiện nhiệm vụ của thành viên Ban Kiểm soát trong công tác kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty, Ban kiểm soát Công ty CP Tradincorp đã tiến hành giám sát thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch năm 2024 với kết quả cụ thể như sau:

III. Nội dung kiểm soát:

- Giám sát tình hình SXKD năm 2024 và công tác quản lý tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 01/01/2024 đến 31/12/2024.
- Giám sát tình hình thực hiện các chỉ tiêu doanh thu, chi phí, lợi nhuận, nợ quá hạn …
- Giám sát thực hiện chế độ tài chính, sử dụng các quỹ của Công ty.
- Giám sát việc thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng, các chế độ đối với người lao động trong Công ty trong năm 2024.
- Giám sát thực hiện các nghĩa vụ chính sách của pháp luật bao gồm các nghĩa vụ thuế và nghĩa vụ tài chính khác trong năm 2024.

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Tài liệu này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh thì bản bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên.

IV. Thời gian thực hiện: tháng 4/2025.

V. Kết quả thực hiện công tác kiểm soát năm 2024:

1. Thẩm định Báo cáo tài chính (BCTC):

BCTC đã được lập theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và theo đúng mẫu quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Báo cáo tài chính bao gồm:

- Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- Báo cáo Kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Moore AISC);
- Bảng Cân đối Kế toán thời điểm 31/12/2024;
- Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD cho năm tài chính 2024;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2024;
- Thuyết minh BCTC.

Trên cơ sở được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Moore AISC, Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình của Công ty CP Tradincorp đến hết ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024, phù hợp chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định có liên quan.

2. Tình hình chi trả cổ tức năm 2023:

Thực hiện theo Nghị quyết số 014/2024/NQ-TRADIN-ĐHĐCĐ ngày 23/4/2024 của ĐHĐCĐ thường niên 2024, đã biểu quyết thông qua phương án không chia cổ tức năm 2023.

Tính đến thời điểm 31/12/2024, Công ty CP Tradincorp đã rà soát lại danh sách cổ đông và thông báo cho các cổ đông chưa nhận cổ tức từ các năm trước để tiến hành nhận phần cổ tức còn lại, kết quả đã chi trả cho cổ đông chưa nhận của các năm trước số tiền 2.076 triệu đồng.

3. Việc chấp hành chế độ thu nộp Ngân sách Nhà nước:

Trong năm 2024, Công ty thực hiện nghĩa vụ đóng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước số tiền là 2.859 triệu đồng. Công ty thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước về thuế và các khoản phải nộp theo đúng quy định.

VI. Nhận xét:

1. Về tình hình hoạt động SXKD năm 2024 của Công ty:

Hoạt động SXKD năm 2024 Công ty CP Tradincorp trước kiểm toán như sau (số liệu theo báo cáo của Công ty CP Tradincorp):

- Tổng doanh thu: 378.766.255.017 đồng
- Tổng chi phí: 376.750.929.050 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 2.015.325.967 đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 1.612.260.774 đồng

Để đảm bảo số liệu trình bày trên BCTC năm 2024 phản ánh đầy đủ, chính xác tình hình hoạt động SXKD của Công ty, Ban Kiểm soát đã thực hiện chương trình giám sát đột xuất, phối hợp cùng đơn vị kiểm toán kiểm toán AISC tra soát đối chiếu số liệu trình bày trên BCTC năm 2024 được cung cấp bởi Công ty CP Tradincorp. Kết quả, đơn vị kiểm toán kiểm toán AISC (sau đây gọi tắt là "đơn vị Kiểm toán") đã thực hiện tính toán, đề nghị hạch toán điều chỉnh, bổ sung các khoản chi phí như sau:

❖ *Phân bổ chi phí lương quản lý chung các năm 2022 – 2024 cho các công trình ghi nhận doanh thu cho phù hợp là 3.541.754.157 đồng*: trước đây Công ty CP Tradincorp giải trình khoản chi phí dở dang 3.541.754.157 đồng là Lương quản lý chung (các bộ phận kinh doanh, tư vấn, quản lý công trình, giám sát đang được hạch toán trên tài khoản 154xx chờ phân bổ) các năm 2022 – 2024 liên quan đến công trình "Hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái hòa lưới 1 x 925KWP tại KCN Cầu cảng Phước Đông".

Ngày 10/8/2024, Tradincorp đã hoàn tất được việc thu hồi khoản công nợ 42.341.546.132 đồng liên quan đến công nợ công trình "Hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái hòa lưới 1 x 925KWP tại KCN Cầu cảng Phước Đông" của 06 nhóm hợp đồng Công ty HBM. Các Bên đã thực hiện ký biên bản thanh lý cũng như tiến hành rút đơn khởi kiện của Công ty Tradincorp và đơn phản tố của nhóm Công ty HBM.

Tradincorp đã thực hiện hạch toán ghi nhận doanh thu và giá vốn liên quan đến công trình nêu trên. Theo đó, đơn vị kiểm toán đề nghị phải hạch toán số tiền 3.541.754.157 đồng trên vào chi phí, để tuân thủ đúng chuẩn mực kế toán hiện hành (ghi nhận doanh thu và chi phí kịp thời).

❖ *Ghi nhận chi phí của các tủ điện đang theo dõi là CCDC đã được thực hiện bảo hành 3.722.845.692 đồng*: đây là chi phí bảo hành các tủ điện đã được thực hiện cho các Hợp đồng số 1204/2016/HĐ-EVNHCMC-Tradincorp ngày 05/4/2016, số 4928/2016/HĐ-EVNHCMC-Tradincorp ngày 15/11/2016. Các tủ điện trên được gửi tại các Công ty Điện lực ở dạng hàng tồn kho để thực hiện nghĩa vụ bảo hành. Tuy nhiên, trong quá trình đơn vị kiểm toán tiến hành kiểm kê thực tế tài sản hàng hóa tại thời điểm 31/12/2024, các tủ điện trên đã được các Công ty Điện lực sử dụng đưa lên lưới điện theo điều khoản bảo hành của hợp đồng.

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Tài liệu này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh thì bản bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên.

Do vậy, đơn vị kiểm toán đề nghị phải hạch toán số tiền 3.722.845.692 đồng trên vào chi phí, để tuân thủ đúng chuẩn mực kế toán hiện hành

❖ *Ghi nhận chi phí các công trình đã thanh lý số tiền 1.417.929.924 đồng (đang hạch toán trên tài khoản 154xx - chi phí dở dang chờ phân bổ)*: đây là các khoản chi phí dở dang của các Hợp đồng mà Tradincorp đã thanh lý trong năm 2024, đơn vị kiểm toán đề nghị phải hạch toán số tiền 1.417.929.924 đồng trên vào chi phí theo đối tượng hợp đồng để tuân thủ đúng chuẩn mực kế toán hiện hành (*chi tiết các Hợp đồng theo phụ lục đính kèm*).

❖ *Ghi nhận chi phí dự phòng công nợ phải thu khó đòi N131 số tiền 258.569.061 đồng.*

❖ *Điều chỉnh khoản mục Thuế TNDN số tiền (403.065.193) đồng*: theo số liệu BCTC trước kiểm toán, lợi nhuận trước thuế của Tradincorp đang lãi 2.015.325.967 đồng, ghi nhận thuế TNDN là 403.065.193 đồng. Tuy nhiên, sau khi kiểm toán BCTC thì kết quả SXKD của Tradincorp bị lỗ, sẽ không chịu thuế TNDN nên đơn vị kiểm toán đề nghị loại trừ chi phí thuế TNDN khỏi BCTC.

Tổng cộng các khoản đề nghị hạch toán điều chỉnh tăng thêm chi phí năm 2024 trong hoạt động SXKD của Công ty CP Tradincorp là **8.538.033.641 đồng**. Theo đó, kết quả hoạt động SXKD năm 2024 của Công ty CP Tradincorp được xác định lại sau kiểm toán **bị lỗ 6.925.772.867 đồng**, cụ thể như sau:

- Lợi nhuận sau thuế trước kiểm toán: 1.612.260.774 đồng (1)
- Chi phí đề nghị hạch toán tăng thêm: 8.538.033.641 đồng (2)
- Lợi nhuận sau thuế sau kiểm toán: **- 6.925.772.867 đồng** [(3) = (1) – (2)]

2. Các chỉ tiêu tài chính:

- Tỷ trọng tài sản lưu động/tổng tài sản là 66,08%, giảm 0,71% so với năm 2023 là 66,79%.
- Hệ số tự tài trợ năm 2024 của công ty ở mức 67,75%, tăng 1,55% so với năm 2023 là 66,20%.
- Chỉ số khả năng thanh toán năm 2024 ở mức an toàn và có biến động tăng so với năm 2023, hệ số thanh toán ngắn hạn ở mức > 1 lần và hệ số thanh toán nhanh ở mức > 0,5 lần: hệ số thanh toán hiện hành 2,05 lần (tăng 0,07 lần so với năm 2023 là 1,98 lần), hệ số thanh toán nhanh 1,66 lần (tăng 0,82 lần so với năm 2023 là 0,84 lần).
- Do lợi nhuận sau thuế (LNST) năm 2024 của Tradincorp bị lỗ, theo đó không xác định các Chỉ số tỷ suất LNST trên tổng tài sản (ROA), Chỉ số tỷ suất LNST trên VCSH (ROE).

3. Một số nội dung lưu ý trong quá trình kiểm soát:

3.1 Công tác tái phát hành cổ phiếu quỹ:

Trong năm 2023, Công ty CP Tradincorp đã hoàn tất việc tái phát hành 1.000.000 cổ phiếu HTE với giá trị 10 tỷ đồng (mệnh giá 10.000 đồng/CP). Ngày 9/11/2023, VSDC đã hoàn tất việc chuyển loại cổ phần và chuyển quyền sở hữu cho Nhà đầu tư.

Số cổ phiếu quỹ còn lại chưa phát hành là 970.000 cổ phiếu. ĐHĐCĐ thường niên 2024 đã thông qua phương án phát hành 970.000 cổ phiếu quỹ còn lại, tuy nhiên trong năm 2024 Công ty chưa thực hiện hoàn tất việc này được do chưa tìm được nhà đầu tư nhận chuyển nhượng.

Dự kiến việc chuyển nhượng 970.000 cổ phiếu quỹ sẽ tiếp tục được thực hiện chuyển nhượng theo hình thức phát hành riêng lẻ sau khi được báo cáo và xin ý kiến thông qua tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

*** Đánh giá của BKS:** Ban Kiểm soát đánh giá mức độ rủi ro của vấn đề này là **"RỦI RO CAO"**, do hiện nay tình hình hoạt động của Công ty CP Tradincorp đang gặp rất nhiều khó khăn và thiếu hụt vốn lưu động. Công ty cần phải xử lý dứt điểm sớm vấn đề này, để thu hồi vốn phục vụ SXKD của công ty.

3.2 Tăng cường công tác quản lý công nợ, thu hồi nợ tồn đọng nhằm kịp thời bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD (tính đến thời điểm 31/12/2024)

a) Công nợ phải thu của khách hàng:

STT	Bộ phận	Ngày 01/01/2024	Ngày 31/12/2024	Chênh lệch
1	Thương mại	16.690.338.550	14.788.397.025	(1.901.941.525)
2	Xây Lắp	37.092.558.737	11.035.224.645	(26.057.334.092)
3	Trung tâm tư vấn	8.866.660.586	7.555.766.871	(1.310.893.715)
TỔNG CỘNG		**62.649.557.873**	**33.379.388.541**	**(29.270.169.332)**

Dựa vào số liệu báo cáo của Ban điều hành Công ty CP Tradincorp, tình hình phải thu của khách hàng thời điểm 31/12/2024 ***giảm 29,270 tỷ đồng*** so với số liệu đầu năm: Bộ phận xây lắp giảm công nợ 26,057 tỷ đồng, Bộ phận thương mại giảm công nợ 1,902 tỷ đồng và Bộ phận tư vấn giám sát giảm công nợ 1,311 tỷ đồng, do các công trình đã hoàn thành quyết toán cuối năm trước và sự đôn đốc thu hồi công nợ thường xuyên của Ban lãnh đạo Tradincorp, thể hiện khả năng kiểm soát tình hình thu hồi công nợ của công ty khá tốt.

*** Đánh giá của BKS:** Ban Kiểm soát đánh giá mức độ rủi ro của vấn đề này là **"RỦI RO THẤP"**, tuy nhiên khuyến nghị Ban điều hành Công ty CP Tradincorp

phải thường xuyên quan tâm theo dõi, đôn đốc công tác thu hồi công nợ liên tục để đảm bảo vòng quay vốn hoạt động cho công ty.

b) Dự phòng công nợ phải thu khó đòi của khách hàng:

STT	TÊN CÔNG TY	01/01/2024	Phát sinh	31/12/2024
1	Công ty CP TST Engineering Việt Nam	160.773.338	0	160.773.338
2	Công ty CP Xây Dựng Hoàng Long	495.079.008	0	495.079.008
3	Công ty CP Xây Lắp Toàn Trung	134.264.750	0	134.264.750
4	Công ty CP Địa Ốc Bình Tân	350.000.000	0	350.000.000
5	TT Điện Thoại SPT-Công ty CP Dịch Vụ Bưu Chính Viễn Thông Sài Gòn	648.016.116	0	648.016.116
6	Công ty CP Công Trình Cầu Phà TPHCM	200.000.000	(200.000.000)	0
7	Công ty CP Đầu Tư BĐS Bảo Long	276.210.310	0	276.210.310
8	Công ty CP Tập Đoàn Đất Xanh	36.000.000	0	36.000.000
9	Công ty TNHH Xây Dựng Số 9	1.314.603.549	1.636.580.711	2.951.184.260
10	Ban Quản Lý Đầu Tư Xây Dựng Công Trình Quận 6	40.620.172	0	40.620.172
11	Công ty CP Năng Lượng Viễn Đông	93.091.090	0	93.091.090
12	Ban QL ĐT XD CT Nâng Cấp Đô Thị Thành Phố	60.000.000	0	60.000.000
13	BQLĐT Xây Dựng Công Trình Quận Bình Tân	12.758.000	0	12.758.000
14	Công ty TNHH Kỹ Thuật NNB	0	258.569.061	258.569.061
Tổng cộng		**4.564.056.641**	**1.695.149.772**	**6.259.206.413**

*** Đánh giá của BKS:**

Tình hình thu hồi nợ phải thu khó đòi không có sự thay đổi đáng kể, trong năm 2024 công ty thu hồi được khoản nợ khó đòi 200 triệu đồng từ Công ty CP Công Trình Cầu Phà TPHCM, nhưng phải trích lập thêm khoản dự phòng phải thu khó đòi 1.895 triệu đồng từ các khách hàng Công ty TNHH Xây Dựng Số 9 và Công ty TNHH Kỹ Thuật NNB.

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Tài liệu này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh thì bản bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên.

c) Công nợ phải thu khác của khách hàng:

STT	Loại hình	Ngày 01/01/2024	Ngày 31/12/2024	Chênh lệch
1	Phải thu khác	11.817.057.330	6.665.897.124	(5.151.160.206)

Công nợ phải thu khác tính đến 31/12/2024 giảm 5,151 tỷ đồng so với số liệu đầu năm, chủ yếu giảm do đã hết hạn và thanh toán cho khách hàng các khoản thế chấp ký cược, ký quỹ với Ngân hàng ACB để đảm bảo hạn mức mở bảo lãnh thanh toán cho các hợp đồng của công ty cuối năm trước.

d) Dự phòng công nợ phải thu khác khó đòi của khách hàng:

STT	TÊN CÔNG TY	01/01/2024	Phát sinh	31/12/2024
1	Công ty CP TST Engineering Việt Nam	1.705.915.923	0	1.705.915.923
2	Công ty TNHH Thương Mại & Dịch vụ PTN	1.179.061.489	0	1.179.061.489
3	Công ty TNHH Nam Long	412.970.340	0	412.970.340
4	Công ty CP Dịch Vụ Kỹ Thuật DELTA TECH	313.792.920	0	313.792.920
5	Công ty TNHH TM Thái Sơn Nam	15.877.048	0	15.877.048
6	Kho Bạc Nhà Nước TPHCM	338.221.078	0	338.221.078
7	Khách lẻ (Đại lý Vé Máy Bay Trần Việt)	15.491.554	0	15.491.554
Tổng cộng		**3.981.330.352**	**0**	**3.981.330.352**

Tình hình thu hồi nợ phải thu khác khó đòi không có sự thay đổi trong năm 2024. Ban Kiểm soát đánh giá mức độ rủi ro của vấn đề này là "**RỦI RO CAO**", có rất nhiều khoản khó có khả năng thu hồi làm tăng gánh nặng chi phí cho công ty tại thời điểm thực hiện trích lập dự phòng (ghi nhận chi phí tài khoản 642xx – Chi phí quản lý doanh nghiệp).

*** Đánh giá của BKS về các khoản phải thu khó đòi:**

Ban Kiểm soát đánh giá mức độ rủi ro về các khoản phải thu khó đòi là "RỦI RO CAO", có rất nhiều khoản phải thu khó có khả năng thu hồi làm tăng gánh nặng chi phí cho công ty tại thời điểm thực hiện trích lập dự phòng (ghi nhận chi phí tài khoản 642xx – Chi phí quản lý doanh nghiệp). Khuyến nghị Ban điều hành Công ty CP Tradincorp thường xuyên theo dõi các khoản nợ trên, kịp thời có biện pháp thu hồi nợ, không để nợ xấu, nợ dọng lâu năm. Đối với các khoản nợ khó đòi cần được

xử lý theo đúng quy định hiện hành (Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019, Thông tư số 24/2022/TT-BTC ngày 07/4/2022, Văn bản hợp nhất số 16/VBHN-BTC ngày 07/7/2022).

e) Công tác chỉ đạo xử lý công nợ phải thu:

Theo báo cáo của Ban điều hành Công ty về việc triển khai công tác xử lý nợ phải thu như sau:

- Thành lập tổ thu hồi nợ, Tổ trưởng tổ thu hồi nợ là người đứng đầu lãnh đạo Tradincorp và các Trưởng các phòng ban. Tổ thu hồi nợ hoạt động tích cực thường xuyên, tích cực và có báo cáo kết quả thu hồi nợ hàng tuần, hàng tháng.
- Lên danh sách công nợ cụ thể từng bộ phận, từng khách hàng, theo từng tuổi nợ và lên kế hoạch đôn đốc thu hồi nợ chi tiết rõ ràng đối với từng khách hàng. Phân công cụ thể thời gian xử lý, đôn đốc khách hàng cụ thể.
- Đối với các khoản công nợ có thời gian chưa thu hồi khá lâu, Ban lãnh đạo Tradincorp lên kế hoạch cụ thể như: trực tiếp liên hệ với khách hàng, hẹn và gặp trực tiếp khách hàng để phối hợp xử lý thu hồi nợ theo hướng như: xử lý giãn nợ, chia công nợ thu hồi dần, hoặc bù trừ công nợ (nếu có), chung tay phối hợp với khách hàng có tính tích cực trong việc trả nợ.
- Khách hàng có công nợ khó đòi khá lâu, sau khi sử dụng các biện pháp đôn đốc thu hồi nợ như trên mà vẫn chưa thu hồi được. Ban lãnh đạo Tradincorp xác định nhóm khách hàng này thuộc diện công nợ khó đòi có rủi ro không trả nợ cho Tradincorp, khi đó Ban lãnh đạo sẽ lên phương án trích lập dự phòng rủi ro để giảm thiểu rủi ro tài chính Công ty sau này và thực hiện trích lập dự phòng theo quy định. Bên cạnh việc trích lập dự phòng, Ban lãnh đạo Tradincorp lên phương án tiến hành khởi kiện ra tòa, nhờ vào tòa án để có thể áp dụng các biện pháp cưỡng chế khách hàng để thu hồi công nợ khó đòi lâu năm.
- Ngoài việc xử lý các biện pháp như trên, Ban lãnh đạo Công ty hiện nay đang lên kế hoạch bán các khoản nợ khó đòi khá lâu này cho các Trung tâm xử lý hợp pháp.

Ban kiểm soát đánh giá công tác thu hồi nợ của Công ty có sự chuyển biến tích cực so với các năm trước, tuy nhiên đối với các khoản phải thu khó đòi kéo dài nhiều năm chưa được Công ty giải quyết triệt để dẫn đến việc phải trích lập dự phòng, tăng chi phí của công ty, ảnh hưởng đến việc bảo toàn vốn của Công ty. Ban kiểm soát khuyến nghị Ban điều hành Công ty cần thực hiện các biện pháp quyết liệt đối với các khách hàng nợ khó đòi theo đúng quy định pháp luật.

3.3 Công tác quản lý tài sản cố định:

Công ty CP Tradincorp hiện nay đang quản lý tài sản cố định (TSCĐ) đối với 02 thửa đất 170, 180 theo quy định hiện hành, cụ thể như sau:

- Thửa đất số 170 tờ bản đồ số 28: thực hiện tăng TSCĐ bắt đầu từ tháng 01/2023 với tổng nguyên giá 25.391.677.273 đồng, bao gồm (i) giá trị đất là 25.125.950.000 đồng và (ii) giá trị tài sản trên đất là 265.727.273 đồng (thời gian khấu hao 25 năm, đã trích khấu hao 10.629.096 đồng; giá trị tài sản trên đất còn lại là 255.098.177 đồng). Tổng giá trị còn lại của tài sản là 25.381.048.177 đồng.
- Thửa đất số 303 (số cũ 180) tờ bản đồ số 28: thực hiện tăng TSCĐ bắt đầu từ tháng 06/2021 với tổng nguyên giá 24.018.212.906 đồng, bao gồm (i) giá trị đất là 11.658.000.000 đồng và (ii) giá trị tài sản trên đất là 12.360.212.906 đồng (thời gian khấu hao 25 năm, đã trích khấu hao 1.433.784.705 đồng; giá trị tài sản trên đất còn lại là 10.926.428.201 đồng). Tổng giá trị còn lại của tài sản là 22.584.428.201 đồng.

Hiện nay, các TSCĐ nêu trên đang được Công ty CP Tradincorp sử dụng làm tài sản đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số SGD.DN.2451.220523/SĐBS-08 ngày 21/05/2024 ký với Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu (ACB). Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C, ... với hạn mức tín dụng là 44.000.000.000 đồng, trong đó dư nợ vay tối đa 22.000.000.000 đồng. Thời hạn vay và lãi suất sẽ được quy định cụ thể theo từng hợp đồng vay.

Tại Thửa đất số 170 tờ bản đồ số 28, hiện nay Công ty chưa có phương án kinh doanh để tăng doanh thu, do chưa tìm được đối tác thuê mặt bằng (hiện trạng khu đất đang được sử dụng để làm nhà kho và bãi xe cho nhân viên công ty).

*** Đánh giá của BKS:**

Ban Kiểm soát đánh giá mức độ rủi ro của việc quản lý và sử dụng đối với Thửa đất số 170 tờ bản đồ số 28 là **"RỦI RO CAO"**, do Công ty CP Tradincorp chưa có phương án sử dụng tối ưu về việc khai thác kinh doanh mặt bằng để góp phần tăng doanh thu cho công ty, gây ảnh hưởng một phần đến hiệu quả sử dụng vốn khi đầu tư vào tài sản nhưng không phát sinh lợi nhuận qua nhiều năm, gây lãng phí tài nguyên và vốn của Chủ sở hữu. Khuyến nghị Ban điều hành Công ty CP Tradincorp khẩn trương có phương án sử dụng đối với tài sản này.

3.4 Tình hình xử lý công nợ đối với 6 gói thầu solar HBM:

Đối với việc xử lý các nội dung liên quan đến 6 Hợp đồng giữa Công ty Tradincorp và các Chủ đầu tư HBM ký ngày 12/11/2020 đối với hạng mục thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình "Hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái hòa lưới 1 x 925KWP tại KCN Cầu cảng Phước Đông", Ban kiểm soát ghi nhận Ban điều hành Công ty đã triển khai hiệu quả các giải pháp nhằm giải quyết dứt điểm các nội dung không thống nhất giữa 2 bên, từ đó hoàn tất việc quyết toán công nợ phải thu liên quan đến 6 hợp đồng solar. Đến thời điểm

31/12/2024 Công ty CP Tradincorp đã nhận đủ toàn bộ số tiền còn lại của 6 Hợp đồng solar là 42.341.546.132 đồng. Công ty đã ghi nhận doanh thu, kết chuyển chi phí SXKD dở dang liên quan đến hợp đồng Solar KCN Cầu cảng Phước Đông trong năm 2024.

3.5 Dự án đầu tư xây dựng công trình nhà máy điện gió Công Hải 1:

Đối với dự án hợp tác giữa Tradincorp với Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn theo Hợp đồng số 11/CNS-NCPT và các Phụ lục hợp đồng dự án đầu tư xây dựng công trình nhà máy điện gió Công Hải 1, Tradincorp đã góp 31.122.853.312 đồng nhưng do khó khăn về tài chính nên từ tháng 09/2017 đến nay Tradincorp đã có nhiều văn bản gửi CNS xin ngừng góp vốn dự án.

Theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư ban đầu và các Hợp đồng hợp tác đã ký, dự kiến thời gian hoàn thành dự án vào tháng 8/2015. Tuy nhiên do tình hình bất khả kháng do chiến tranh, Liên bang Nga bị cấm vận nên thời gian thực hiện dự án kéo dài. Đến thời điểm 31/12/2024. Công ty Tradincorp đã có công văn số 0168/CV-TRADIN-QLDA ngày 12/03/2018 gửi Tổng công ty Công Nghiệp Sài Gòn (CNS) xin dừng góp vốn các giai đoạn tiếp theo của dự án và đề nghị CNS hỗ trợ phần vốn góp còn lại hoặc tìm đơn vị hợp tác mới góp vốn đủ để dự án được triển khai đến cuối. Tuy nhiên, ngày 14/06/2024 CNS có công văn số 395/CNS-QLDA gửi Công ty Tradincorp đề nghị thực hiện nghĩa vụ góp vốn đối với dự án sản xuất thử nghiệm "Tổ máy phát điện chạy bằng sức gió, 2 hệ cánh đồng trục InS-W-1000", Tổng giám đốc có Văn bản báo cáo HĐQT số 584/BC-TRADIN-QLDA ngày 26/06/2024, báo cáo tiến độ thực hiện và kết quả đạt được của dự án, đồng thời có đề xuất, kiến nghị HĐQT xem xét lựa chọn phương án tối ưu trong quá trình thực hiện dự án. HĐQT đã quyết định tạm dừng việc góp vốn tiếp tục cho dự án do không có nguồn tài chính. Để không vi phạm hợp đồng đã ký với InS, tháng 8/2024 CNS đã tạm ứng thanh toán đợt 7 lần 2 cho InS với số tiền là 750.000 USD đồng thời InS đang thực hiện các công việc liên quan để thử nghiệm ngoài trời. Hiện nay Tradincorp đang triển khai tìm kiếm các Nhà đầu tư, đối tác nhận sang nhượng, tuy nhiên việc sang nhượng chỉ được thực hiện khi đối tác Nga sản xuất thành công tổ máy phát điện, nhận định của Công ty Tradincorp trong trường hợp thuận lợi việc sang nhượng sẽ được thực hiện trong năm 2025 – 2026 (sau khi thử nghiệm ngoài trời 01 tổ máy thành công tại Nga, dự kiến quý II/2025).

Ban kiểm soát khuyến nghị HĐQT và Ban điều hành Công ty tiếp tục theo dõi tiến độ thực hiện dự án, nhận định các vấn đề có thể xảy ra trong quá trình hợp tác đầu tư nhằm đề xuất các biện pháp phòng ngừa rủi ro, bên cạnh đó Tradincorp cần tích cực tìm kiếm các Nhà đầu tư, đối tác nhận sang nhượng dự án nhằm thu hồi vốn đầu tư.

3.6 Tình hình thực hiện đầu tư Dự án: "Xây dựng hệ thống mương, hào kỹ thuật và ống phục vụ ngầm hóa lưới điện và cáp viễn thông trong dự án nâng cấp tuyến đường Lương Định Của, Quận 2"

Dự án: "Xây dựng hệ thống mương, hào kỹ thuật và ống phục vụ ngầm hóa lưới điện và cáp viễn thông trong dự án nâng cấp tuyến đường Lương Định Của, Quận 2" được đầu tư theo quyết định phê duyệt số 368/QĐ-TRADIN-QLDA ngày 27/04/2016, tổng mức đầu tư của dự án 46,068 tỷ đồng, dự án đang ghi nhận giá trị xây dựng dở dang đã giải ngân đến ngày 31/12/2024 là 26,7 tỷ đồng , dự án thi công từ năm 2017 nhưng tạm dừng thi công do chưa được bàn giao mặt bằng thi công. Đến nay Ban QLDA Giao thông TP.HCM bàn giao mặt bằng một số đoạn và yêu cầu Tradincorp hoàn thiện hạng mục lắp đặt hào kỹ thuật; lắp đặt ống; lắp đặt trạm biến áp, tủ RMU, tủ hạ thế, … Để tiếp tục triển khai dự án, Tradincorp phải chuẩn bị thêm nguồn vốn tạm tính khoảng 7,5 tỷ đồng trong 6 tháng đầu năm 2025 để hoàn tất hạ tầng trong khu vực từ đường Trần Não đến Nguyễn Hoàng và tháng 12 năm 2025 là 5,23 tỷ đồng để có thể hoàn thành nút giao An Phú.

Do các chỉ tiêu kinh tế dự án được tính toán từ năm 2016 đến nay có nhiều thay đổi, nên để tiếp tục triển khai dự án cần được đánh giá lại mức độ khả thi cũng như phân tích những rủi ro có thể xảy trong quá trình thực hiện đầu tư và khai thác dự án. Ban kiểm soát khuyến nghị Công ty cần thực hiện đánh giá lại thời gian hoàn vốn dự án để báo cáo cho HĐQT và các Cổ đông.

Ban Kiểm soát nhận thấy mức độ rủi ro của Dự án đang tăng cao do đã đầu tư từ lâu nhưng chưa hoàn thành, nghiệm thu quyết toán đưa vào sử dụng để tạo dòng tiền cho công ty; ngoài ra chưa xác định rõ được tổng nguồn thu dự tính trong tương lai của dự án để bù đắp chi phí đầu tư và chi phí cơ hội của dự án (thời gian dòng tiền không hoạt động từ năm 2017 đến nay).

3.7 Các vấn đề rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty:

a. Các vấn đề đang được ngoại trừ trong BCTC:

Trong quá trình kiểm toán đơn vị kiểm toán có nêu một số ý kiến ngoại trừ, có thể gây rủi ro cho hoạt động của Công ty CP Tradincorp trong thời gian tới, cụ thể như sau:

- Công ty chưa xem xét việc theo dõi chi tiết chi phí quản lý chung đã phát sinh từ trước năm 2022 của từng bộ phận nhận thầu xây lắp để xác định giá thành của từng sản phẩm xây lắp hoàn thành bán ra trong năm 2024. Do đó, Ban Tổng giám đốc Công ty chưa thực hiện phân bổ chi phí quản lý chung đang ghi nhận tại khoản mục Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31/12/2024 với số tiền ***12.498.253.760 đồng*** cho phù hợp với doanh thu của một số công trình ghi nhận trong năm hiện hành. Việc này có thể dẫn đến chi phí trong năm 2024 chưa được phản ánh đầy đủ và ảnh hưởng (nếu có) đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty.

- Ngoài ra, Công ty cũng chưa xem xét đánh giá tổn thất cho các chi phí sản xuất kinh doanh dở dang nhiều năm có giá trị tại ngày 31/12/2024 là ***1.563.820.450 đồng***.

Dựa trên các tài liệu do CP Tradincorp cung cấp và các thủ tục kiểm toán thay thế được thực hiện, đơn vị kiểm toán không xác định được chính xác số tiền cần phân bổ và giá trị dự phòng tổn thất ghi nhận vào chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của năm hiện hành. Tuy nhiên, tác động của vấn đề này không có ảnh hưởng lan tỏa đến tổng thể báo cáo tài chính riêng niên độ 2024.

*** Đánh giá của BKS:**

Ban Kiểm soát đánh giá mức độ rủi ro của vấn đề này là "**RỦI RO RẤT CAO**", do khoản mục loại trừ nêu trên ảnh hưởng khó khăn rất lớn đến hoạt động SXKD của Tradincorp, do công ty phải xử lý vào chi phí hoạt động của công ty trong các năm tiếp theo. Điều này dẫn đến các rủi ro sau:

- Trường hợp ghi nhận đầy đủ chi phí trong năm 2025: công ty tiếp tục bị lỗ trong năm 2025, sẽ rất khó khăn trong việc khắc phục tình trạng lỗ lũy kế.
- Trường hợp Ban điều hành Tradincorp xử lý dần khoản chi phí, ghi nhận phân bổ chi phí dần cho các năm: tình hình tài chính các năm của công ty phản ánh kết quả SXKD lãi/lỗ không thật và ảnh hưởng đến nguồn vốn của công ty cũng như của Chủ sở hữu.
- Các năm tiếp theo BCTC sẽ liên tục bị ghi nhận vào ý kiến loại trừ, dẫn đến cổ phiếu của công ty (mã cổ phiếu HTE) bị UBCK Nhà nước liệt vào diện cổ phiếu cảnh báo.

b. Chi phí dở dang chưa kết chuyển trên BCTC năm 2024

Tổng chi phí dở dang chưa kết chuyển đến 31/12/2024 trình bày trên BCTC đã được kiểm toán năm 2024 là 40,914 tỷ đồng, Ban kiểm soát đề nghị Bộ phận kế toán làm rõ từng khoản mục dở dang tương ứng với đối tượng hợp đồng, tuy nhiên số liệu chi phí dở dang tồn đọng từ năm 2022 trở về trước (Bao gồm chi phí tiền lương và chi phí chung) cho các hợp đồng đã ghi nhận doanh thu nhưng chưa được kết chuyển chi phí tương ứng trong năm phát sinh. Dẫn đến Công ty sẽ phải xử lý và tìm cách phân bổ hết chi phí dở dang tồn đọng vào các năm tiếp theo và sẽ làm ảnh hưởng đến lãi/lỗ hàng năm của Công ty. Sai sót này vô hình chung đã làm cho Công ty hàng năm lãi/lỗ không thật và ảnh hưởng đến nguồn vốn của công ty cũng như của Chủ sở hữu.

*** Đánh giá của BKS:**

Ban Kiểm soát đánh giá mức độ rủi ro của vấn đề này là "RỦI RO CAO", việc xử lý kết chuyển khoản chi phí dở dang tồn đọng lâu năm chưa kết chuyển sẽ làm tăng chi phí, gia tăng áp lực SXKD cho Tradincorp trong tình hình khó khăn hiện nay.

c. Các vấn đề rủi ro khác:

- Hàng tồn kho là các hàng hóa (đang hạch toán trên tài khoản 156) không biến động trong năm là 1.127.253.809 đồng, trong đó số hàng hóa đã tồn kho nhiều năm và không kiểm đếm được là ***598.118.127 đồng***. Công ty CP Tradincorp phải xử lý khoản tiền này trong năm 2025.
- Các công nợ ứng trước cho người bán không biến động cần được xem xét đánh giá khả năng thu hồi. Giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2024 là 344.573.503 đồng (đơn vị kiểm toán ước tính dự phòng cho các khoản này là 296.268.149 đồng).
- Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Công nghệ mới Việt Nga có giá trị 500.000.000 đồng, hiện tại công ty này đã ngưng hoạt động. Đơn vị kiểm toán đề nghị Công ty CP Tradincorp đánh giá về tổn thất cho khoản đầu tư này.
- Khoản phạt hợp đồng tủ RMU thuộc Hợp đồng số 4376 và 4377/2018/HĐ-EVNHCMC-Tradincorp ngày 25/10/2018 với giá trị là 4.697.749.200 đồng.
- Nợ phải thu của Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc đánh giá khó có khả năng thu hồi là ***3.342.895.347 đồng***.
- Cổ tức phải trả các năm trước cho cổ đông lũy kế đến thời điểm 31/12/2024 là ***12.999.903.573 đồng***. Trong quá trình chưa xác định được cổ đông để chi trả cổ tức, Công ty CP Tradincorp đang sử dụng để làm vốn lưu động phục vụ SXKD của công ty.

*** Đánh giá của BKS:** Ban Kiểm soát đánh giá mức độ rủi ro của các vấn đề này là **"RỦI RO RẤT CAO"**, có rất nhiều khoản tiền bị chiếm dụng thời gian dài nhưng không sinh ra lợi nhuận (khoản đầu tư Việt Nga, Dự án Lương Định Của), hoặc có khả năng gây thất thoát vốn cho Chủ sở hữu (các khoản công nợ, phạt hợp đồng, hàng tồn kho không kiểm đếm được).

4. Kết quả thực hiện một số nhiệm vụ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024 (Nghị quyết 014/2024/NQ-TRADIN-ĐHĐCĐ ngày 23/4/2024):

- *Kết quả hoạt động SXKD:*
  + Tổng doanh thu: **378.766 triệu đồng**, đạt 199,05% kế hoạch năm 2024 đã được ĐHĐCĐ thông qua *(190.284 triệu đồng)*. Tổng doanh thu năm 2024 tăng cao so với kế hoạch và so với cùng kỳ năm ngoái do: (i) Tradincorp nhận được sự hỗ trợ thông qua các Hợp đồng mua bán thương mại với các đơn vị trực thuộc cổ đông lớn Tổng công ty Điện lực TP.HCM (EVNHCMC) và Tổng công ty Điện lực miền Nam (EVNSPC), tuy nhiên chỉ ở mức doanh số hợp đồng, tỷ suất sinh lợi không cao; (ii) doanh thu hoạt động xây lắp năm 2024 tăng trưởng

mạnh, do trong năm phát sinh nghiệm thu/thanh lý các hợp đồng với các Công ty HBM với doanh số 89.831 triệu đồng.

+ Tổng chi phí: 384.500 triệu đồng, (đạt 204,02% kế hoạch – 188.461 triệu đồng). Tỷ lệ TH/KH về chi phí cao hơn tỷ lệ TH/KH về doanh thu, dẫn đến lợi nhuận bị lỗ, chưa đạt kế hoạch.

+ Tổng lợi nhuận trước thuế: lỗ 5.733 triệu đồng, chưa đạt kế hoạch năm 2024 đã được ĐHĐCĐ thông qua (1.823 triệu đồng).

+ Tổng lợi nhuận sau thuế: lỗ 6.926 triệu đồng, chưa đạt kế hoạch năm 2024 đã được ĐHĐCĐ thông qua (1.459 triệu đồng).

+ Cổ tức: năm 2024 Công ty CP Tradincorp không chia cổ tức.

Như vậy, năm 2024 Công ty CP Tradincorp thực hiện chưa đạt kế hoạch do ĐHĐCĐ thông qua.

- *Chi trả cổ tức năm 2023:* Thực hiện theo Nghị quyết số 014/2024/NQ-TRADIN-ĐHĐCĐ ngày 23/4/2024 của ĐHĐCĐ thường niên 2024, đã biểu quyết thông qua phương án không chia cổ tức năm 2023.

  Tính đến thời điểm 31/12/2024, Công ty CP Tradincorp đã rà soát lại danh sách cổ đông và thông báo cho các cổ đông chưa nhận cổ tức từ các năm trước để tiến hành nhận phần cổ tức còn lại, kết quả đã chi trả cho cổ đông chưa nhận của các năm trước số tiền 3.443 triệu đồng.

  Cổ tức phải trả các năm trước cho cổ đông lũy kế đến thời điểm 31/12/2024 là 12.999.903.573 đồng. Trong quá trình chưa xác định được cổ đông để chi trả cổ tức, Công ty CP Tradincorp đang sử dụng để làm vốn lưu động phục vụ SXKD của công ty.

- *Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát: Công ty đã thực hiện chi trả thù lao đúng theo tinh thần của Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024.*

- *Ủy quyền cho HĐQT chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2024: HĐQT công ty đã lựa chọn và giao Ban Điều hành Công ty ký kết Hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm* toán và Dịch vụ tin học Moore AISC thực hiện việc kiểm toán BCTC 6TĐN 2024 và năm 2024.

VII. Các đề xuất, kiến nghị:

Căn cứ các nội dung báo cáo nêu trên, Ban Kiểm soát có một số nội dung đề xuất, kiến nghị như sau:

1. ***Kiến nghị Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty CP Tradincorp các nội dung sau:***

- Ghi nhận sự nỗ lực của nhóm Người đại diện vốn, HĐQT và Ban điều hành Công ty CP Tradincorp trong công tác chỉ đạo xử lý nợ phải thu, trong đó xử lý dứt điểm được việc thu hồi công nợ 42,34 tỷ đồng liên quan đến công nợ công trình "Hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái hòa lưới 1 x 925KWP tại KCN Cầu cảng Phước Đông" của 06 nhóm hợp đồng Công ty HBM.
- Đề nghị Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đẩy nhanh tiến độ xử lý khoản cổ phiếu quỹ còn lại (970.000 cổ phiếu) có tính **rủi ro cao,** nhằm thu hồi vốn phục vụ công tác SXKD cho Công ty (sau khi ĐHĐCĐ thường niên 2025 thông qua).
- Đề nghị Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty tiếp tục đẩy mạnh chỉ đạo xử lý nợ phải thu: xác nhận đầy đủ công nợ; có biện pháp thu hồi nợ và tiến hành khởi kiện ra tòa; xử lý trách nhiệm của các cá nhân có liên quan đã không thực hiện các biện pháp thu hồi nợ dẫn đến khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, không thu hồi hoặc khó thu hồi được.
- Đề nghị Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban điều hành Công ty CP Tradincorp làm việc với đơn vị được lựa chọn thực hiện kiểm toán BCTC thực hiện kiểm tra, rà soát và phân tích rõ các khoản doanh thu, chi phí theo từng công trình cụ thể liên quan đến các vấn đề đang được ngoại trừ trong BCTC sau kiểm toán năm 2024 và Ban kiểm soát Công ty đã đánh giá mức độ "**rủi ro rất cao**" tại điểm a Mục 3.7 (gồm chi phí tiền lương và chi phí quản lý chung phát sinh từ trước năm 2022 của từng bộ phận với số tiền ***12.498.253.760 đồng*** và khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang nhiều năm có giá trị tại ngày 31/12/2024 là ***1.563.820.450 đồng***).
- Đề nghị Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban điều hành Công ty CP Tradincorp làm rõ chi tiết các khoản mục chi phí dở dang 40,914 tỷ đồng trong BCTC năm 2024 (trình bày trong điểm b Mục 3.7) cho từng hợp đồng cụ thể và thực hiện đối soát hàng tháng để kết chuyển kịp thời khi hoàn thành công trình, ghi nhận doanh thu.
- Đề nghị Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban điều hành Công ty CP Tradincorp thực hiện kiểm tra, rà soát và báo cáo về số hàng hóa tồn kho nhiều năm và không kiểm đếm được là ***598.118.127 đồng***, có ý kiến đề xuất xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể trong trường hợp để xảy ra thất thoát hàng hóa trong quá trình được giao quản lý (Ban kiểm soát đã đánh giá mức độ "**rủi ro rất cao**" tại điểm c Mục 3.7).
- Đề nghị Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban điều hành Công ty CP Tradincorp thực hiện kiểm tra, rà soát và báo cáo về các khoản công nợ ứng trước cho người bán không biến động cần được xem xét đánh giá khả năng thu hồi với giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2024 là ***344.573.503 đồng*** (Ban kiểm soát đã đánh giá mức độ "**rủi ro rất cao**" tại điểm b Mục 4.7).

- Đề nghị Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty tiếp tục bám sát các thông tin liên quan đến Dự án đầu tư xây dựng công trình nhà máy điện gió Công Hải 1 (trước đây hợp tác với Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn), có báo cáo kịp thời cho Chủ sở hữu. Đồng thời, triển khai phương hướng và lộ trình thực hiện xử lý, khắc phục khoản thu hồi các khoản đầu tư không mang lại hiệu quả nhiều năm: Công ty TNHH Công nghệ mới Việt Nga 500 triệu đồng, Công ty CP Đầu tư xây dựng Điện lực Việt Nam (EVNIC) 1,2 tỷ đồng. Xem xét đưa vào diện **Rủi ro rất cao**, cần thực hiện "giám sát đặc biệt" và có phương án xử lý.
- Đề nghị Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty sớm có phương án sử dụng, khai thác có hiệu quả đối với mặt bằng thửa đất số 170 tờ bản đồ số 28 để tăng nguồn thu nhập nhằm bổ sung vào nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Đối với Dự án Lương Định Của, **mức độ rủi ro của Dự án đang tăng cao** do đã đầu tư từ lâu nhưng chưa hoàn thành, nghiệm thu quyết toán đưa vào sử dụng để tạo dòng tiền cho công ty; ngoài ra chưa xác định rõ được tổng nguồn thu dự tính trong tương lai của dự án để bù đắp chi phí đầu tư và chi phí cơ hội của dự án (thời gian dòng tiền không hoạt động từ năm 2017 đến nay). Do vậy, kiến nghị Hội đồng quản trị có văn bản xin ý kiến EVNHCMC nhằm xem xét, đánh giá về Dự án (tổng mức đầu tư, lợi nhuận dự kiến, thời điểm hoàn vốn, đánh giá mức độ rủi ro của dự án...), để xem tính hiệu quả của Dự án này, từ đó có chỉ đạo việc tiếp tục triển khai hay dừng đầu tư Dự án.

2. ***Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét, thông qua kế hoạch kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát tại Công ty CP Tradincorp trong thời gian tới, với các nội dung công việc cụ thể như sau:***

TT	Nội dung công việc	Chủ trì	Phối hợp thực hiện	Thời gian dự kiến	Ghi chú
1	Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ; Giám sát hoạt động HĐQT và Ban TGĐ.	Trưởng BKS	Thành viên BKS	Thường xuyên	
2	Báo cáo công tác kiểm soát của BKS tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.	Trưởng BKS	Thành viên BKS	Tại ĐHĐCĐ thường niên	

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Tài liệu này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh thì bản bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên.

3	Tham dự các cuộc họp của HĐQT	Chủ tịch HĐQT	HĐQT, BKS	Theo thư mời họp HĐQT	
4	Kiểm soát, giám sát thường xuyên và đột xuất thực tế khác theo quy định về công tác kiểm soát nội bộ, giám sát tài chính và kiểm soát tuân thủ	Trưởng BKS	Thành viên BKS	Nếu thấy bất thường	
5	Giám sát kiểm toán độc lập (6 tháng năm 2025)	Trưởng BKS	Thành viên BKS	Theo quy định	
6	Rà soát báo cáo tài chính Quý 3/2025	Trưởng BKS	Thành viên BKS	Theo quy định	
7	Kiểm soát tình hình xử lý nợ phải thu khó đòi, tình hình trích lập nợ phải thu khó đòi sau báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.	Trưởng BKS	Thành viên BKS	Tháng 05/2025	
8	Kiểm soát chuyên đề tình hình hoạt động SXKD năm 2025.	Trưởng BKS	Thành viên BKS	Dự kiến tháng 9/2025	
9	Báo cáo tổng kết năm 2025 và lập kế hoạch KTGS năm 2026	Trưởng BKS	Thành viên BKS	Theo quy định	

3. Ngoài các đánh giá những tồn tại mang tính chất rủi ro ảnh hưởng đến việc bảo toàn vốn Chủ sở hữu như đã nêu ở trên, Ban kiểm soát có một số kiến nghị đến Ban điều hành Công ty CP Tradincorp về công tác tài chính kế toán và công tác quản trị như sau:

- Đối với công tác trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi: kiến nghị Ban điều hành Công ty thu thập đầy đủ hồ sơ, cơ sở để thực hiện trích lập tất cả các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi đúng Thông tư 48/2019/TT-BTC nhằm hạn chế rủi ro bị cắt giảm chi phí được loại trừ khi xác định thu nhập chịu thuế trong trường hợp cơ quan quản lý thuế thanh tra, kiểm tra.
- Kiến nghị bộ phận Tài chính Kế toán của Công ty CP Tradincorp phải thường xuyên, liên tục kiểm tra, kiểm soát công tác hạch toán kế toán đúng quy định hiện hành, chuẩn mực về công tác kế toán; có báo cáo kịp thời cho Ban điều hành Công ty về tình hình cân đối tài chính và các chi phí có khả

năng phát sinh rủi ro, để có báo cáo cho Hội đồng quản trị Công ty kịp thời có các chỉ đạo, điều hành trong công tác SXKD nhằm mục tiêu đạt lợi nhuận, đồng thời khắc phục một phần và hạn chế tối thiểu rủi ro liên quan đến khoản lỗ lũy kế của công ty trong thời gian tới.

- Kiến nghị Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty CP Tradincorp thực hiện các biện pháp, giải pháp để đảm bảo gia tăng các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2025, đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận để khắc phục tình trạng lỗ năm 2024, có lộ trình xử lý dứt điểm các khoản chi phí dở dang đang treo nhiều năm và bảo toàn vốn chủ sở hữu.

Trên đây là các nội dung báo cáo về kết quả kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động của Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP.HCM (Công ty CP Tradincorp) trong năm 2024, Ban Kiểm soát kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông được rõ.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Việt Hùng

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: BKS, NVH.

Đính kèm:
- Các Phụ lục liên quan báo cáo.

PHỤ LỤC 1 - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối kỳ (Tại 31/12/2024)	Số đầu năm (Tại 01/01/2024)
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**	**217.407.870.587**	**232.154.615.069**
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	41.948.609.068	14.658.973.760
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	96.960.185.094	17.674.299.433
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	37.373.598.120	66.062.093.326
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	*137*	*(7.861.315.746)*	*(7.802.746.685)*
Hàng tồn kho	140	41.124.918.305	133.673.782.288
Tài sản ngắn hạn khác	150	560.000	85.466.262
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**	**111.616.149.106**	**115.445.564.528**
Các khoản phải thu dài hạn	210	32.742.580.845	37.791.411.696
Tài sản cố định	220	54.216.530.389	55.267.001.208
Tài sản cố định hữu hình	*221*	*17.432.580.389*	*18.483.051.208*
Tài sản cố định vô hình	*223*	*36.783.950.000*	*36.783.950.000*
Tài sản dở dang dài hạn	240	23.485.907.100	21.217.212.949
Đầu tư tài chính dài hạn	250	1.092.603.100	1.092.603.100
Tài sản dài hạn khác	260	78.527.672	77.335.575
NỢ PHẢI TRẢ	**300**	**106.122.779.101**	**117.500.966.138**
Nợ ngắn hạn	310	106.075.845.597	117.381.967.533
Nợ dài hạn	330	46.933.504	118.998.605
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**222.901.240.592**	**230.099.213.459**
Vốn chủ sở hữu	410	222.901.240.592	230.099.213.459
Vốn góp của chủ sở hữu	*411*	236.081.650.000	236.081.650.000
Nguồn kinh phí, quỹ khác	430	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN - NGUỒN VỐN	**440**	**329.024.019.693**	**347.600.179.597**

PHỤ LỤC 2 - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	01	VI.1	**377.831.884.690**	**160.550.084.687**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	-
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	10	VI.3	**77.831.884.690**	**160.550.084.687**
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.4	377.570.137.173	154.182.851.951
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -11)**	**20**		**261.747.517**	**6.367.232.736**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	910.555.497	746.632.297
7.	Chi phí tài chính	22	VI.6	2.054.795	7.680.849
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		2.054.795	7.680.849
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	6.160.169.142	5.997.823.948
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))**	**30**		**(4.989.920.923)**	**1.108.360.236**
11.	Thu nhập khác	31		23.814.830	870.078.928
12.	Chi phí khác	32		769.438.367	222.129.441
13.	**Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)**	**40**		**(745.623.537)**	**647.949.487**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)**	**50**		**(5.735.544.460)**	**1.756.309.723**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	1.192.428.407	341.346.406
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	1.200.000
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 -52)**	**60**		**(6.927.972.867)**	**1.413.763.317**
18.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**	**VI.10**	**(320)**	**65**
19.	**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	**71**	**VI.11**	**(320)**	**65**

PHỤ LỤC 3 – CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2024	01/01/2024	Chênh lệch
1	**Cơ cấu tài sản và nguồn vốn**				
	- Tài sản ngắn hạn/ tổng tài sản	%	66,08%	66,79%	-0,71%
	- Tài sản dài hạn/ tổng tài sản	%	33,92%	33,21%	0,71%
	- Nợ phải trả/ VCSH	%	47,61%	51,07%	-3,46%
	- Nợ phải trả/ tổng nguồn vốn	%	32,25%	33,80%	-1,55%
2	**Khả năng thanh toán**				
	- Khả năng thanh toán hiện hành (TSNH/NNH)	Lần	2,05	1,98	0,07
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,66	0,84	0,82
3	**Tỷ suất lợi nhuận**				
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	-1,83%	0,87%	-2,70%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	-2,11%	0,41%	-2,51%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên VCSH (ROE)	%	-3,11%	0,61%	-3,72%
4	**Hệ số tự tài trợ**				
	Hệ số tự tài trợ (1- (Nợ/ Tổng nguồn vốn))	%	67,75%	66,20%	1,55%
	Hệ số bảo toàn vốn	Lần	0,94	0,97	-0,03

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0305173790
Địa chỉ: Số 14A, Đường 85, Khu phố 1, P. Tân Quy, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam
Điện thoại: +84.28. 2211 7898 Website: https://tradincorp.vn

BÁO CÁO CỦA KẾ TOÁN TRƯỞNG
VỀ KẾT QUẢ
SẢN XUẤT KINH DANH NĂM 2024 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Kính gửi: Quý Cổ đông CTCP Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP.HCM

- *Căn cứ Quy định pháp luật và Điều lệ Công ty CP ĐT Kinh doanh Điện lực Tp.HCM về chức năng, nhiệm vụ của Ban TCKT;*
- *Căn cứ Báo cáo tài chính & Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 của Công ty CP ĐT Kinh doanh Điện lực Tp.HCM đã được kiểm toán;*
- *Căn cứ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và định hướng kinh doanh năm 2024 của Công ty CP ĐT Kinh doanh Điện lực Tp.HCM;*
- *Căn cứ tình hình Công ty CP ĐT Kinh doanh Điện lực Tp.HCM.*

Báo cáo tài chính & Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 của Công ty Tradincorp đã được Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học Moore AISC kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 dựa trên các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và theo đúng mẫu quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC & Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung của Bộ Tài chính.

I./ Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty mẹ năm 2024, Công ty Tradincorp như sau :

- Tổng doanh thu 378.766.255.017 đồng
- Tổng chi phí 384.499.599.477 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: (5.733.344.460) đồng
- Lợi nhuận sau thuế: (6.925.772.867) đồng
- Hệ số tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu -2,93 %

II./ Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2024, Công ty Tradincorp như sau :

- Tổng doanh thu 378.766.255.017 đồng
- Tổng chi phí 384.501.799.477 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: (5.735.544.460) đồng

- Lợi nhuận sau thuế: (6.927.972.867) đồng
- Hệ số tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu: -2,93 %

Trên đây là Báo cáo tình hình tài chính Công ty mẹ Tradincorp & Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán. Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán độc lập: *Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP.HCM tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.*

Trân trọng báo cáo./.

BAN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
KẾ TOÁN TRƯỞNG

M.S.D.N: 0305173790 - C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH * QUẬN 7 - T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Chánh Trực

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Tài liệu này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh thì bản bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

MỤC LỤC

----- oOo -----

		Trang
1.	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 - 03
2.	BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
3.	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ HỢP NHẤT	06 - 07
4.	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	08
5.	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	09 - 10
6.	BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 42

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh trân trọng đệ trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305173790, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 9 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23 ngày 05 tháng 5 năm 2023 về việc thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật.

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần.

Hoạt động kinh doanh của Công ty

Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Trắc địa công trình. Hoạt động đo đạc bản đồ. Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Quản lý và lập dự án đầu tư. Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng-công nghiệp (lắp đặt phần điện và thiết bị công trình). Tư vấn đấu thầu, thẩm tra, thiết kế, lập dự toán và tổng dự toán. Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Tư vấn lập hồ sơ mời thầu. Tư vấn xây dựng (trừ khảo sát xây dựng, giám sát thi công, thiết kế công trình). Khảo sát địa hình công trình xây dựng, khảo sát địa chất xây dựng công trình;

Tư vấn chuyển giao công nghệ. Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, điều tra tác động môi trường;

Cho thuê hào kỹ thuật, ống tuynel, cống, bể kỹ thuật, máy móc thiết bị xây dựng, máy móc thiết bị văn phòng;

Sản xuất, mua bán vật tư, máy móc, thiết bị điện, thiết bị truyền thông, máy tính (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí, xi mạ điện tại trụ sở).

Tên tiếng anh: Ho Chi Minh City Electric Power Trading Investment Corporation.

Tên viết tắt: TRADINCORP.

Mã chứng khoán: HTE (UpCom).

Trụ sở chính: Số 14A đường Số 85, khu Phố 1, phường Tân Quy, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Nhã	Chủ tịch
Ông Nguyễn Anh Vũ	Thành viên
Ông Châu Thanh Phong	Thành viên
Bà Trương Ngô Sen	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Việt Hùng	Trưởng ban
Bà Trịnh Thị Thanh Thảo	Thành viên
Ông Trần Minh Đức	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Anh Vũ	Tổng Giám Đốc
Ông Đặng Nguyễn Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Chánh Trực	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất

Ông Nguyễn Anh Vũ	Tổng Giám Đốc

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC ("Moore AISC") được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Công bố danh tính của các bên liên quan của Công ty và tất cả các mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan đã phát sinh đầy đủ.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam được trình bày ở thuyết minh của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và hoặc vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có bất kỳ thông tin nào liên quan đến gian lận hoặc nghi ngờ gian lận có thể có ảnh hưởng đến Công ty và liên quan đến Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty; những nhân viên có vai trò quan trọng trong kiểm soát nội bộ; hoặc các vấn đề khác mà gian lận có thể ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thanh Nhã

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

MOORE AISC

MOORE AISC Auditing and Informatics Services Company Limited
389A Dien Bien Phu Street, Ward 4
District 3, Ho Chi Minh City
Viet Nam
T (8428) 3832 9129
F (8428) 3834 2957
E info@aisc.com.vn
www.aisc.com.vn

Số: A0724236_HN/MOORE AISC-DN6

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của **Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh và công ty con** (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2025 từ trang 06 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

MOORE AISC

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày trong Thuyết minh số V.7 của báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo, Công ty chưa xem xét việc theo dõi chi tiết chi phí quản lý chung đã phát sinh từ trước năm 2022 của từng bộ phận nhận thầu xây lắp để xác định giá thành của từng sản phẩm xây lắp hoàn thành bán ra trong năm 2024. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa thực hiện phân bổ chi phí quản lý chung đang ghi nhận tại khoản mục Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31/12/2024 với số tiền 12.498.253.760 đồng cho phù hợp với doanh thu của một số công trình ghi nhận trong năm hiện hành. Việc này có thể dẫn đến chi phí trong năm 2024 chưa được phản ánh đầy đủ và ảnh hưởng (nếu có) đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty.

Ngoài ra, Công ty cũng chưa xem xét đánh giá tổn thất cho các chi phí sản xuất kinh doanh dở dang nhiều năm có giá trị tại ngày 31/12/2024 là 1.563.820.450 VND.

Dựa trên các tài liệu do Công ty cung cấp và các thủ tục kiểm toán thay thế được thực hiện, chúng tôi không xác định được chính xác số tiền cần phân bổ và giá trị dự phòng tổn thất ghi nhận vào chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm hiện hành. Tuy nhiên, tác động của vấn đề này không có ảnh hưởng lan tỏa đến tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất niên độ 2024.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của **Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh và công ty con** tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán viên đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ vào ngày 30 tháng 3 năm 2024 về Khoản mục Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các hợp đồng cung cấp gói thầu "Hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái hòa lưới 1x925KWP tại khu công nghiệp cầu cảng Phước Đông" do chưa được nghiệm thu và thanh quyết toán với các Chủ đầu tư. Tuy nhiên, vấn đề này đã được Công ty nghiệm thu và thanh quyết toán với các Chủ đầu tư này ngày 31 tháng 7 năm 2024. Do đó, ý kiến kiểm toán ngoại trừ đã được xử lý.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC MOORE AISC

Lê Hùng Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3174 -2025-005-1

Huỳnh Thị Bích Liễu
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3902-2022-005-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 *Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**217.407.870.587**	**232.154.615.069**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	V.1	**41.948.609.068**	**14.658.973.760**
1. Tiền	111		36.606.146.286	8.868.973.760
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.342.462.782	5.790.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**96.960.185.094**	**17.674.299.433**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	96.960.185.094	17.674.299.433
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**37.373.598.120**	**66.062.093.326**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	33.379.388.541	62.649.557.873
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	6.819.915.734	6.075.343.192
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	5.035.609.591	5.139.938.946
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3,5	(7.861.315.746)	(7.802.746.685)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**	V.7	**41.124.918.305**	**133.673.782.288**
1. Hàng tồn kho	141		42.761.499.016	133.673.782.288
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.636.580.711)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**560.000**	**85.466.262**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		560.000	560.000
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13b	-	84.906.262
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 *Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**111.616.149.106**	**115.445.564.528**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**32.742.580.845**	**37.791.411.696**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	32.742.580.845	37.791.411.696
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**54.216.530.389**	**55.267.001.208**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	17.432.580.389	18.483.051.208
- Nguyên giá	*222*		*40.414.257.477*	*39.717.257.477*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(22.981.677.088)*	*(21.234.206.269)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	*225*		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*226*		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	36.783.950.000	36.783.950.000
- Nguyên giá	*228*		*37.093.603.000*	*37.093.603.000*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(309.653.000)*	*(309.653.000)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**23.485.907.100**	**21.217.212.949**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	23.485.907.100	21.217.212.949
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**V.2b**	**1.092.603.100**	**1.092.603.100**
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.292.603.100	2.292.603.100
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.200.000.000)	(1.200.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**78.527.672**	**77.335.575**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		78.527.672	77.335.575
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**329.024.019.693**	**347.600.179.597**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 *Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**106.122.779.101**	**117.500.966.138**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**106.075.845.597**	**117.381.967.533**
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.11	64.672.114.602	40.216.392.900
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	9.796.555.211	45.755.893.445
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13a	1.268.072.193	68.826.097
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	5.022.534.170	6.037.269.441
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	13.116.896.175	25.301.591.285
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	12.173.278.881	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		26.394.365	1.994.365
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		**46.933.504**	**118.998.605**
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.200.000	1.200.000
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		45.733.504	117.798.605
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 *Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**222.901.240.592**	**230.099.213.459**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.17**	**222.901.240.592**	**230.099.213.459**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		236.081.650.000	236.081.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*236.081.650.000*	*236.081.650.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(9.700.000.000)	(9.700.000.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.803.514.172	1.803.514.172
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(5.283.923.580)	1.914.049.287
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*1.914.049.287*	*500.285.970*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*(7.197.972.867)*	*1.413.763.317*
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	**430**		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**329.024.019.693**	**347.600.179.597**

Lê Thị Ngọc Lan	**Nguyễn Chánh Trực**	**Nguyễn Anh Vũ**
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 — *Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	377.831.884.690	160.550.084.687
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		377.831.884.690	160.550.084.687
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	377.570.137.173	154.182.851.951
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -11)	**20**		**261.747.517**	**6.367.232.736**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	910.555.497	746.632.297
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.054.795	7.680.849
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*2.054.795*	*7.680.849*
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	6.160.169.142	5.997.823.948
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	**30**		**(4.989.920.923)**	**1.108.360.236**
12. Thu nhập khác	31	VI.6	23.814.830	870.078.928
13. Chi phí khác	32	VI.7	769.438.367	222.129.441
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**(745.623.537)**	**647.949.487**
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**(5.735.544.460)**	**1.756.309.723**
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	1.192.428.407	341.346.406
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	1.200.000
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 -52)	**60**		**(6.927.972.867)**	**1.413.763.317**
Cổ đông của Công ty mẹ	61		(6.927.972.867)	1.413.763.317
Cổ đông không kiểm soát	62		-	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	VI.10	**(320)**	**65**
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**71**	VI.10	**(320)**	**65**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lê Thị Ngọc Lan	Nguyễn Chánh Trực	Nguyễn Anh Vũ
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 *Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		**(5.735.544.460)**	**1.756.309.723**
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VI.8	1.747.470.819	1.674.291.505
- Các khoản dự phòng	03		1.623.084.671	(93.091.004)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(178.135)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(910.377.362)	(803.314.348)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	2.054.795	7.680.849
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		**(3.273.489.672)**	**2.541.876.725**
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(10.394.728.730)	(8.233.327.635)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		90.912.283.272	(10.584.327.370)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(21.275.885.756)	16.144.038.042
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(1.192.097)	103.940.444
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.054.795)	(7.680.849)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(1.561.920.358)	(1.295.428)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(27.530.000)	(12.378.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**54.375.481.864**	**(49.154.871)**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(2.965.694.151)	(1.747.055.298)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	473.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(104.291.294.959)	(23.399.299.433)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		69.165.571.360	11.119.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		908.607.288	746.632.297
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(37.182.810.462)**	**(12.807.722.434)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 *Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	10.000.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	27.947.718.881	7.750.380.091
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	(15.774.440.000)	(9.380.833.442)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.076.493.110)	(1.367.217.840)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**10.096.785.771**	**7.002.328.809**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	**50**		**27.289.457.173**	**(5.854.548.496)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**14.658.973.760**	**20.513.522.256**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		178.135	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	**70**	**V.1**	**41.948.609.068**	**14.658.973.760**

Lê Thị Ngọc Lan	**Nguyễn Chánh Trực**	**Nguyễn Anh Vũ**
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập

Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305173790, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 9 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23 ngày 05 tháng 5 năm 2023 về việc thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Tên tiếng anh: Ho Chi Minh City Electric Power Trading Investment Corporation

Tên viết tắt: HCMPC TRADINCORP

Mã chứng khoán: HTE (UpCom).

Trụ sở chính: Số 14A đường Số 85, khu Phố 1, phường Tân Quy, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Trắc địa công trình. Hoạt động đo đạc bản đồ. Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Quản lý và lập dự án đầu tư. Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng-công nghiệp (lắp đặt phần điện và thiết bị công trình). Tư vấn đấu thầu, thẩm tra, thiết kế, lập dự toán và tổng dự toán. Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Tư vấn lập hồ sơ mời thầu. Tư vấn xây dựng (trừ khảo sát xây dựng, giám sát thi công, thiết kế công trình). Khảo sát địa hình công trình xây dựng, khảo sát địa chất xây dựng công trình;

Tư vấn chuyển giao công nghệ. Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, điều tra tác động môi trường;

Cho thuê hảo kỹ thuật, ống tuynel, cống, bể kỹ thuật, máy móc thiết bị xây dựng, máy móc thiết bị văn phòng;

Sản xuất, mua bán vật tư, máy móc, thiết bị điện, thiết bị truyền thông, máy tính (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí, xi mạ điện tại trụ sở).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Không có

6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2024: 53 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2023: 56 nhân viên)

7. Cấu trúc doanh nghiệp

7.1. Tổng số các công ty con: một (01) công ty.

- Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01 công ty con.
- Số lượng các công ty con không được hợp nhất: Không có.

7.2. Danh sách các công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có một (01) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên Công ty và địa chỉ	*Hoạt động chính*	*Tỷ lệ vốn góp*	*Tỷ lệ sở hữu*	*Tỷ lệ quyền biểu quyết*
Công ty TNHH Tradin One Tầng 3, Số 14A, Đường Số 85, Khu Phố 1, phường Tân Quy, Quận 7, Tp. HCM	- Kiến trúc và tư vấn kỹ thuật; - Hoạt động lĩnh vực xây dựng.	100%	100%	100%

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC (TT200) được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều TT200; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư số 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ban hành ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 2 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 200/2014/TT - BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh và công ty con (gọi tắt là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày "Công ty" thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và chấm dứt vào ngày "Công ty" thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty con được lập cùng kỳ kế toán với Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa Công ty con và Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh.

Tất cả các số dư giữa các đơn vị trong cùng "Công ty" và các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ "Công ty", kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ "Công ty" đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản cũng được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của Công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch mua công ty con là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần đều trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa không quá 10 năm. Định kỳ, Công ty đánh giá lại tổn thất lợi thế thương mại, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng tổn thất được thực hiện như sau:

+ Khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
+ Khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoả

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau

- Công cụ, dụng cụ, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình thực hiện xây lắp các công trình xây dựng .

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

6.1.Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định hợp nhất biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

6.2. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ..

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

6.3. Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	*05 - 25 năm*
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	*06 - 10 năm*
Thiết bị, dụng cụ quản lý	*04 - 06 năm*
Phần mềm kế toán	*03 năm*

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Công ty ghi nhận các khoản mang đi góp vốn vào BCC ban đầu theo giá gốc và phản ánh là nợ phải thu khác.

Đối với BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát

Tài sản đồng kiểm soát bởi các bên tham gia liên doanh là tài sản được các bên tham gia liên doanh mua, xây dựng, được sử dụng cho mục đích của liên doanh và mang lại lợi ích cho các bên tham gia liên doanh theo quy định của Hợp đồng liên doanh. Các bên tham gia liên doanh được nhận sản phẩm/ (hoặc doanh thu) từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Các khoản vốn bằng tiền góp vào BCC được ghi nhận và phản ánh trong báo cáo tài chính là tài sản góp vốn liên doanh căn cứ vào các thỏa thuận trong hợp đồng.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: công cụ dụng cụ,...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chí phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

12. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả người lao động, chính sách tiền lương và các khoản bảo hiểm bắt buộc

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong năm dựa theo Quy chế lương của Công ty và theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập theo quy định hiện hành.

Tiền lương chi trả cho người lao động được quy định trong hợp đồng lao động.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm chi phí liên quan đến hoạt động xây lắp, tư vấn khảo sát, thiết kế,... đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận cụ thể.

14. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; Và đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm dự phòng bảo hành công trình xây dựng, sản phẩm đã bán. Từ các năm trước, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã áp dụng phương pháp ghi nhận theo thực tế phát sinh chi phí bảo hành sửa chữa trên cơ sở đánh giá ảnh hưởng của mức tổn thất dự kiến đối với giá trị công trình xây dựng, sản phẩm đã bán là không đáng kể. Đến thời điểm lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xem xét và dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra đối với một số công trình xây dựng, sản phẩm bán trong kỳ này nên tiến hành trích lập dự phòng theo hướng dẫn của các quy định có liên quan.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lũy kế sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty tại thời điểm báo cáo.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

16. Nguyên tắc ghi nhận Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm: Doanh thu ban đầu được ghi nhận trong hợp đồng; và các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tuỳ thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết. Vì vậy, doanh thu của hợp đồng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ.

Ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Đối với hợp đồng xây dựng giá cố định, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện: 1. Tổng doanh thu của hợp đồng được tính toán một cách đáng tin cậy; 2. Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng; 3. Chi phí để hoàn thành hợp đồng và phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập báo cáo tài chính được tính toán một cách đáng tin cậy; 4. Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy để tổng chi phí thực tế của hợp đồng có thể so sánh được với tổng dự toán.

Đối với hợp đồng xây dựng với chi phí phụ thêm, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng; 2. Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy không kể có được hoàn trả hay không.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu tiền lãi và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (lãi tỷ giá hối đoái).

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

19. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí lãi vay và dự phòng đầu tư.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

22. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

23. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

24. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

25. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định hợp nhất biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ hợp nhất lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2024	01/01/2024
Tiền	**36.606.146.286**	**8.868.973.760**
Tiền mặt	3.613.935.141	2.536.354.063
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	32.992.211.145	6.332.619.697
Các khoản tương đương tiền	**5.342.462.782**	**5.790.000.000**
Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng (hoặc dưới 3 tháng) (**)	5.342.462.782	5.790.000.000
Cộng	**41.948.609.068**	**14.658.973.760**

(*) Trong đó, số tiền chỉ được dùng cho mục đích thanh toán cho các nhà cung cấp trong hoạt động xây lắp tại ngày 31/12/2024 là : 22.506.831.504 VND

(**) Tương đương tiền là các khoản tiền gửi có lãi suất từ 1,6% đến 4,2%/năm.

2. Các khoản đầu tư tài chính (xem trang 39)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các khách hàng là các bên liên quan (xem thuyết minh VIII.3)	22.123.775.593	-	42.464.976.467	-
Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Tuấn Lộc	3.342.895.347	-	3.342.895.347	-
Các khách hàng khác	7.912.717.601	(3.879.985.394)	16.841.686.059	(3.821.416.333)
Cộng	**33.379.388.541**	**(3.879.985.394)**	**62.649.557.873**	**(3.821.416.333)**

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Bên liên quan (xem thuyết minh VIII.3)	148.444.121	-	164.401.819	-
Công ty TNHH TVTK Xây Dựng Điện Hưng Thịnh	1.780.947.618	-	-	-
Công ty TNHH TM SX Dây & Cáp Điện Đại Long	1.430.457.943		639.119.370	-
Công ty TNHH TV XD Điện Tâm Khôi	786.759.028	-	-	-
Công ty TNHH Dây và Cáp Điện Trường Thịnh	827.747.770	-	264.964.095	-
Các nhà cung cấp khác	1.845.559.254	-	5.006.857.908	-
Cộng	**6.819.915.734**	**-**	**6.075.343.192**	**-**

5. Phải thu khác	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	**5.035.609.591**	**(3.981.330.352)**	**5.139.938.946**	**(3.981.330.352)**
Phải thu bên liên quan (xem thuyết minh VIII.3)	208.000.000	-	161.141.000	-
Công ty Cổ phần TST Engineering	1.705.915.923	(1.705.915.923)	1.705.915.923	(1.705.915.923)
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ PTN	1.179.061.489	(1.179.061.489)	1.179.061.489	(1.179.061.489)
Phải thu khác	1.942.632.179	(1.096.352.940)	2.093.820.534	(1.096.352.940)
b. Dài hạn	**32.742.580.845**	**-**	**37.791.411.696**	**-**
Ký quỹ, ký cược	1.619.727.533	-	6.668.558.384	-
Góp vốn đầu tư thực hiện dự án điện gió (*)	31.122.853.312	-	31.122.853.312	-
Cộng	**37.778.190.436**	**(3.981.330.352)**	**42.931.350.642**	**(3.981.330.352)**

(*) Căn cứ hợp đồng hợp tác thực hiện dự án "Tổ máy phát điện chạy bằng sức gió, hai hệ thống đồng trục InS-W-1000" số 11/CNS-NCPT ngày 17/01/2012 và các phụ lục liên quan giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh và Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV (CNS). Theo đó, dự án có nguồn kinh phí từ ngân sách do Sở Khoa học và Công nghệ Tp. HCM cấp là 43.926.000.000 đồng, nguồn vốn thực hiện do hai bên góp là 119.827.231.889 đồng, mỗi bên góp 59.913.615.945 đồng. Đến ngày 31/12/2024, Công ty đã đầu tư vào dự án với số tiền là 31.122.853.312 VND.

Theo báo cáo giám sát số 78/CNS-QLDA ngày 20/1/2025 của Tổng công ty CN Sài Gòn TNHH MTV (CNS), Công ty đã trình phương án xin tạm ngưng góp thêm vốn vào dự án và đề xuất các bên tham gia khác thay thế Công ty góp vốn tiếp theo. Và cũng theo báo cáo này, dự án còn vướng nhiều khó khăn về nguồn vốn, vị trí và các yếu tố khách quan khác. Do đó, thời gian thực hiện dự án có thể bị kéo dài hơn kế hoạch.

6. **Nợ xấu** (xem trang 40)

7. Hàng tồn kho	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	-	-	6.038.473.588	-
Chi phí SX, KD dở dang (*)	40.914.762.834	(1.636.580.711)	120.866.468.085	-
Hàng hoá	1.846.736.182	-	6.768.840.615	-
Cộng	**42.761.499.016**	**(1.636.580.711)**	**133.673.782.288**	**-**

(*) Trong đó bao gồm:

+ Chi phí quản lý chung chưa được xem xét phân bổ tại ngày 31/12/2024 là 12.498.253.760 VND.

+ Các chi phí sản xuất kinh doanh dở dang nhiều năm tại ngày 31/12/2024 là 1.563.820.450 VND.

8. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Xây dựng cơ bản dở dang				
Dự án Lương Định Của (*)	22.736.663.381	-	20.205.817.531	-
Dự án khác	749.243.719	-	1.011.395.418	-
Cộng	**23.485.907.100**	-	**21.217.212.949**	-

(*) Dự án Lương Định Của là dự án xây dựng hệ thống mương, hào kỹ thuật và ống phục vụ ngầm hóa lưới điện và cáp viễn thông trong dự án nâng cấp tuyến đường Lương Định Của, dự án vẫn đang được thi công nhưng do tiến độ thi công phụ thuộc vào tiến độ bàn giao mặt bằng với dự án nâng cấp đường Lương Định Của do khu Quản lý giao thông đô thị số 2 làm chủ đầu tư. Đến nay, UBND Quận 2 vẫn chưa bàn giao mặt bằng đầy đủ cho khu 2 nên tiến độ triển khai dự án bị chậm do phụ thuộc vào công tác giải phóng mặt bằng.

9. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	13.287.825.649	26.034.419.792	395.012.036	**39.717.257.477**
Mua trong năm	-	697.000.000	-	**697.000.000**
Số dư cuối năm	13.287.825.649	26.731.419.792	395.012.036	**40.414.257.477**
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	1.496.365.483	19.360.266.634	377.574.152	**21.234.206.269**
Khấu hao trong năm	637.414.716	1.101.685.923	8.370.180	1.747.470.819
Số dư cuối năm	2.133.780.199	20.461.952.557	385.944.332	**22.981.677.088**
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	11.791.460.166	6.674.153.158	17.437.884	**18.483.051.208**
Số dư cuối năm	11.154.045.450	6.269.467.235	9.067.704	**17.432.580.389**

* Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 16.736.813.400 VND.

10. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Bản quyền, bằng sáng chế	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	36.783.950.000	309.653.000	-	**37.093.603.000**
Số dư cuối năm	36.783.950.000	309.653.000	-	**37.093.603.000**
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	309.653.000	-	**309.653.000**
Số dư cuối năm	-	309.653.000	-	**309.653.000**
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	36.783.950.000	-	-	**36.783.950.000**
Số dư cuối năm	36.783.950.000	-	-	**36.783.950.000**

* Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 36.783.950.000 VND.

* Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 309.653.000 VND.

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán là các bên liên quan (xem thuyết minh VIII.3)	518.540.531	518.540.531	1.648.130.959	1.648.130.959
Công ty TNHH Cáp Taihan Vina	13.521.718.595	13.521.718.595	12.257.942.289	12.257.942.289
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đức Tường	8.200.745.046	8.200.745.046	-	-
Công ty TNHH Dây và Cáp Điện Vạn Xuân	36.403.278.680	36.403.278.680	-	-
Các nhà cung cấp khác	6.027.831.750	6.027.831.750	26.310.319.652	26.310.319.652
Cộng	**64.672.114.602**	**64.672.114.602**	**40.216.392.900**	**40.216.392.900**

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (xem thuyết minh VIII.3)	9.351.644.623	2.694.886.190
Các khách hàng khác	444.910.588	43.061.007.255
Cộng	**9.796.555.211**	**45.755.893.445**

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2024
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	1.910.109.536	388.895.618	1.521.213.918
Thuế thu nhập doanh nghiệp		1.164.770.061	1.561.920.358	(397.150.297)
Thuế thu nhập cá nhân	68.826.097	634.818.591	559.636.116	144.008.572
Cộng	**68.826.097**	**3.709.698.188**	**2.510.452.092**	**1.268.072.193**
b. Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	57.247.916	57.247.916	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.658.346	27.658.346	-	-
Cộng	**84.906.262**	**84.906.262**	**-**	**-**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng trong năm như sau:

	Mức thuế suất
- Thuế suất thuế GTGT cho các hàng hóa bán ra trong năm	10%
- Thuế suất thuế GTGT cho hoạt động tư vấn và xây lắp trong năm	8%

Trong năm Công ty được giảm thuế GTGT đối với các hàng hóa, dịch vụ mà Công ty cung cấp theo Nghị định 94/2023/NĐ - CP ngày 18 /12/2023, Nghị quyết 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 và Nghị định 72/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024, Nghị quyết 142/2024/QH15 ngày 29/6/2924 quy định chính sách giảm thuế GTGT.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn	**31/12/2024**	**01/01/2024**
Chi phí kinh doanh thương mại	1.374.155.433	1.204.383.586
Chi phí tư vấn thiết kế	2.020.948.820	1.861.612.687
Chi phí tổ xây dựng mới	67.107.071	67.107.071
Chi phí ban quản lý dự án	9.068.082	244.380.084
Chi phí xây lắp	1.551.254.764	2.659.786.013
Cộng	**5.022.534.170**	**6.037.269.441**

15. Phải trả khác ngắn hạn	**31/12/2024**	**01/01/2024**
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	12.999.903.573	15.076.396.683
Các khoản phải trả, phải nộp khác	116.992.602	10.225.194.602
Cộng	**13.116.896.175**	**25.301.591.285**

16. Vay ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng (*)	12.173.278.881	12.173.278.881	-	-
Cộng	**12.173.278.881**	**12.173.278.881**	-	-

(*) Đây là khoản vay của Ngân hàng TMCP Á Châu theo hợp đồng tín dụng hạn mức số SGD.DN.5464.100724 ngày 19/07/2024. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C,... Hạn mức tín dụng là 102.000.000.000 đồng. Trong đó dư nợ vay tối đa 22.000.000.000. Thời hạn vay và lãi suất sẽ được quy định cụ thể theo từng hợp đồng vay.

Tài sản đảm bảo: Thửa đất số 170, tờ bản đồ số 28, phường Tân Quy, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh; Tiền gửi có kỳ hạn; Quyền đòi nợ, các khoản phải thu, quyền đòi bồi thường thiệt hại, quyền thụ hưởng bảo hiểm, các khoản tiền và toàn bộ các quyền, lợi ích,... mà Công ty có được trong các lần giải ngân theo các hợp đồng thi công, xây lắp được ký kết với các khách hàng có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty.

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: xem trang 41

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	**Tỷ lệ vốn góp**	**31/12/2024**	**01/01/2024**
Tổng Công ty Điện lực Tp. HCM TNHH	29,65%	70.000.000.000	70.000.000.000
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH	8,58%	20.250.000.000	20.250.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	5,72%	13.500.000.000	13.500.000.000
Cổ đông khác	51,94%	122.631.650.000	122.631.650.000
Cổ phiếu quỹ	4,11%	9.700.000.000	9.700.000.000
Cộng	**100,00%**	**236.081.650.000**	**236.081.650.000**
** Số lượng cổ phiếu quỹ*		*970.000*	*970.000*

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	**Năm 2024**	**Năm 2023**
Vốn góp của chủ sở hữu	**236.081.650.000**	**236.081.650.000**
Vốn góp đầu năm	*236.081.650.000*	*236.081.650.000*
Vốn góp cuối năm	*236.081.650.000*	*236.081.650.000*
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu	**31/12/2024**	**01/01/2024**
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	23.608.165	23.608.165
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	23.608.165	23.608.165
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	970.000	970.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	22.638.165	22.638.165
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	*10.000*	*10.000*

đ. Các quỹ của doanh nghiệp	**31/12/2024**	**01/01/2024**
Quỹ đầu tư phát triển	1.803.514.172	1.803.514.172
Cộng	**1.803.514.172**	**1.803.514.172**

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**Năm 2024**	**Năm 2023**
Doanh thu bán hàng	233.144.473.006	98.556.099.514
Doanh thu dịch vụ tư vấn	5.171.578.063	10.047.728.983
Doanh thu dịch vụ xây lắp	139.515.833.621	51.946.256.190
Cộng	**377.831.884.690**	**160.550.084.687**

2. Giá vốn hàng bán	**Năm 2024**	**Năm 2023**
Giá vốn bán hàng	232.898.426.375	94.725.059.524
Giá vốn dịch vụ tư vấn	7.517.148.557	7.639.842.936
Giá vốn dịch vụ xây lắp	137.154.562.241	51.817.949.491
Cộng	**377.570.137.173**	**154.182.851.951**

3. Doanh thu hoạt động tài chính	**Năm 2024**	**Năm 2023**
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	845.237.600	746.632.297
Cổ tức, lợi nhuận được chia	65.141.000	-
Doanh thu khác	176.897	-
Cộng	**910.555.497**	**746.632.297**

4. Chi phí tài chính	**Năm 2024**	**Năm 2023**
Lãi tiền vay	2.054.795	7.680.849
Cộng	**2.054.795**	**7.680.849**

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**Năm 2024**	**Năm 2023**
Chi phí nhân viên	4.174.292.658	3.872.347.847
Chi phí khấu hao TSCĐ	645.784.896	641.274.257
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	5.000.000
Hoàn nhập phải thu khó đòi	258.569.061	(66.287.368)
Chi phí bằng tiền khác	1.078.522.527	1.545.489.212
Cộng	**6.160.169.142**	**5.997.823.948**

6. Thu nhập khác	**Năm 2024**	**Năm 2023**
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	56.682.051
Tiền phạt thu được	-	753.671.643
Các khoản khác	23.814.830	59.725.234
Cộng	**23.814.830**	**870.078.928**

7. Chi phí khác	**Năm 2024**	**Năm 2023**
Chi phí hành chính	346.793.722	150.000.000
Xử lý tổn thất các dự án	422.368.645	1.990.133
Các khoản khác	276.000	70.139.308
Cộng	**769.438.367**	**222.129.441**

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	**Năm 2024**	**Năm 2023**
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.630.282.055	1.594.179.715
Chi phí nhân công	15.211.281.811	13.231.907.149
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.747.470.819	1.674.291.505
Chi phí dự phòng	-	(66.287.368)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	73.533.118.988	71.990.007.478
Chi phí khác bằng tiền	1.203.332.283	7.053.876.598
Cộng	**94.325.485.956**	**95.477.975.077**

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2024	Năm 2023
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**(5.735.544.460)**	**1.756.309.723**
2. Các khoản điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	**(65.141.000)**	**707.392.304**
Các khoản điều chỉnh tăng	-	707.392.304
+ Các khoản chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	-	707.392.304
Các khoản điều chỉnh giảm	65.141.000	-
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	65.141.000	-
3. Tổng thu nhập chịu thuế TNDN (1+2)	**(5.800.685.460)**	**2.463.702.027**
4. Lỗ các năm trước được chuyển	-	**756.969.996**
5. Thu nhập tính thuế (3-4)	**(5.800.685.460)**	**1.706.732.031**
6. Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	-	**341.346.406**
7. Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập các năm trước	**1.192.428.407**	-
8. Chi phí thuế TNDN hiện hành	**1.192.428.407**	**341.346.406**

(*) Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**(6.927.972.867)**	**1.413.763.317**
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	**(6.927.972.867)**	**1.413.763.317**
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	21.638.165	21.638.165
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**(320)**	**65**
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**(320)**	**65**

11. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

11.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

11. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

11.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

11.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

11.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

11. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

11.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2024	*Dưới 1 năm*	*Từ 1-5 năm*	*Trên 5 năm*	*Tổng cộng*
Các khoản vay và nợ	12.173.278.881	-	-	**12.173.278.881**
Phải trả người bán	64.672.114.602	-	-	**64.672.114.602**
Chi phí phải trả	5.022.534.170			**5.022.534.170**
Phải trả khác	116.992.602	-	-	**116.992.602**
Cộng	**81.984.920.255**	**-**	**-**	**81.984.920.255**
Ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Các khoản vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	40.216.392.900	-	-	**40.216.392.900**
Chi phí phải trả	6.037.269.441	-	-	**6.037.269.441**
Phải trả khác	10.225.194.602	-	-	**10.225.194.602**
Cộng	**56.478.856.943**	**-**	**-**	**56.478.856.943**

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

12. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (Xem trang 42)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản phải trả người bán, vay và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2023. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2024	Năm 2023
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	27.947.718.881	7.750.380.091

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2024	Năm 2023
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	(15.774.440.000)	(9.380.833.442)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Không có khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác nào phát sinh kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hay thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Điện lực Tp. HCM - TNHH	Cổ đông góp vốn
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện lực Tp. HCM	Công ty được nhận đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện lực Việt Nam	Công ty được nhận đầu tư
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Bình Phú	(*)
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Tân Phú	(*)
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Tân Thuận	(*)
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực An Phú Đông	(*)
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Sài Gòn	(*)
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Chợ Lớn	(*)
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Gò Vấp	(*)
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Tân Bình	(*)
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Củ Chi	(*)
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Duyên Hải	(*)
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Gia Định	(*)
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Thủ Đức	(*)
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Bình Chánh	(*)
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Phú Thọ	(*)
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Dịch vụ Điện lực Tp. HCM	(*)
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Trung tâm Điều độ Hệ thống Điện Tp. HCM	(*)
CN TCT Điện lực Tp. HCM - BQL DA lưới điện phân phối Tp. HCM	(*)
CN TCT Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Thí Nghiệm ĐL TP.HCM	(*)
CN TCT Điện Lực Miền Nam TNHH - Công ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam	(**)
Chi Nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Miền Nam TNHH - Công Ty Điện Lực Ninh Thuận	(**)
Công ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng Điện Miền Nam	(**)
Công ty Điện Lực Bà Rịa - Vũng Tàu	(**)
Công ty Điện Lực Bạc Liêu	(**)
Công ty Điện Lực Bình Dương	(**)

3. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Bên liên quan

Công ty Điện Lực Cà Mau	(**)
Công ty Điện Lực Hậu Giang	(**)
Công ty Điện Lực Kiên Giang	(**)
Công ty Điện Lực Ninh Thuận	(**)

(*) Các chi nhánh trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Tp. HCM TNHH - đơn vị đầu tư 29,65% vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Tp. HCM

(**) Các công ty trong hệ thống của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH - đơn vị đầu tư 8,58% vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Tp. HCM

Các giao dịch trọng yếu trong năm với các bên liên quan

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**Năm 2024**	**Năm 2023**
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Bình Phú	8.618.143.313	134.792.902
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Tân Thuận	4.878.425.120	1.051.906.678
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Sài Gòn	2.779.702.257	4.587.870.004
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Chợ Lớn	17.158.004	1.995.386.965
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Gò Vấp	838.337.681	1.746.187.605
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Duyên Hải	328.917.378	3.888.177.159
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Gia Định	439.543.016	1.079.863.743
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Thủ Đức	1.279.936.327	5.005.328.368
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Bình Chánh	1.380.117.029	2.275.359.343
CN TCT Điện lực Tp. HCM - BQL DA lưới điện phân phối Tp. HCM	91.851.306.531	74.909.783.179
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực An Phú Đông	3.143.864.900	2.441.177.400
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Phú Thọ	55.200.000	415.413.726
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Tân Bình	2.008.106.104	5.864.080.708
Công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng Điện lực Tp. HCM	(4.553.795)	2.828.004.124
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Hóc Môn	-	6.614.190.000
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Vĩnh Long	-	2.090.209.880
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Tp. Cần Thơ	72.585.830	17.060.727.010
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Bến Tre	2.063.712.500	5.108.546.050
CN TCT Điện Lực TP.HCM TNHH -Công ty Công nghệ Thông tin Điện Lực Tp.HCM	52.035.984	52.035.984
CN TCT Điện Lực Tp.HCM - Công ty Lưới điện Cao Thế Tp. HCM	-	531.126.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Xây Dựng Điện Miền Nam	86.115.900	3.153.544.619
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Dịch vụ Điện lực Tp. HCM	204.145.660	763.606.866
Công ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng Điện Miền Nam	3.522.535.593	-
Công ty Điện Lực Bà Rịa - Vũng Tàu	69.571.511.000	-
Công ty Điện Lực Bạc Liêu	22.233.188.620	-
Công ty Điện Lực Bình Dương	7.938.531.920	-
Công ty Điện Lực Cà Mau	24.078.091.600	-

3. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu trong năm với các bên liên quan

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Điện Lực Hậu Giang	21.492.716.500	-
Công ty Điện Lực Kiên Giang	5.318.101.300	-
Chi Nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Miền Nam TNHH - Công Ty Điện Lực Ninh Thuận	2.805.945.800	-
Cộng	**277.053.422.072**	**143.597.318.313**
Mua hàng hóa và dịch vụ	**Năm 2024**	**Năm 2023**
CN TCT Điện Lực Miền Nam TNHH-Công ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam	103.152.000	-
CN TCT Điện Lực TP HCM TNHH - Công ty Dịch Vụ Điện Lực Tp.HCM	202.984.694	562.043.724
CN TCT Điện Lực TP. HCM TNHH - Công ty Điện Lực Tân Bình	161.210.000	-
CN TCT Điện lực TPHCM TNHH - Công ty Điện Lực Tân Thuận	102.039.223	189.707.808
CN TCT Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Thí Nghiệm ĐL TP.HCM	1.382.052.682	1.397.894.074
CN TCT Điện Lực TpHCM TNHH-Trung Tâm Điều Độ Hệ Thống Điện TpHCM	37.155.102	223.396.112
Cộng	**1.988.593.701**	**2.373.041.718**
Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan		
Phải thu khách hàng	**31/12/2024**	**01/01/2024**
Tổng Công ty Điện lực Tp. HCM - TNHH	5.189.162.120	5.189.162.120
CN TCT Điện Lực Tp. HCM - Công ty Điện Lực Bình Phú	27.342.340	27.676.727
CN TCT Điện Lực Tp. HCM - Công ty Điện Lực Tân Thuận	231.594.878	-
CN TCT Điện Lực Tp. HCM - Công ty Điện Lực An Phú Đông	-	2.636.471.592
CN TCT Điện Lực Tp. HCM - Công ty Điện Lực Sài Gòn	62.150.000	961.334.749
CN TCT Điện Lực Tp. HCM - Công ty Điện Lực Chợ Lớn	507.438.018	507.438.018
CN TCT Điện Lực Tp. HCM - Công ty Điện Lực Gò Vấp	84.097.327	141.061.766
CN TCT Điện Lực Tp. HCM - Công ty Điện Tân Bình	1.383.661.522	4.798.920.326
CN TCT Điện Lực Tp. HCM - Công ty Điện Lực Duyên Hải	-	489.095.144
CN TCT Điện Lực Tp. HCM - Công ty Điện Lực Gia Định	325.850.728	322.378.053
CN TCT Điện Lực Tp. HCM - Công ty Điện Lực Thủ Đức	242.577.035	50.747.496
CN TCT Điện Lực Tp. HCM - Công ty Điện Lực Bình Chánh	176.248.118	507.802.986
CN TCT Điện Lực Tp. HCM - BQL DA lưới điện phân phối Tp. HCM	7.127.857.886	16.786.041.573
Công ty Điện Lực Bình Dương	3.074.728.019	-
Ban Quản Lý Dự án Lưới Điện Miền Nam	47.500.197	47.500.197
Ban Quản Lý Đầu tư Xây dựng Công Trình Nâng Cấp Đô Thị Tp.HCM	-	60.000.000
CN Tổng Công ty Điện Lực Tp.HCM TNHH - Công ty Dịch vụ Điện Lực Tp.HCM	61.032.238	414.484.058
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Phú Thọ	1.598.937	5.289.007.334
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện lực Tp. HCM	3.580.936.230	4.235.854.328
Cộng	**22.123.775.593**	**42.464.976.467**

3. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan

Người mua trả tiền trước	**31/12/2024**	**01/01/2024**
Công ty Điện Lực Bạc Liêu	(2.280.538.590)	-
CN TCT Điện Lực Tp. HCM - Công ty Điện Lực Thủ Đức	(5.051.328.695)	-
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Sài Gòn	(1.460.387.300)	-
Công ty Điện Lực Ninh Thuận	(55.477.584)	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Xây dựng Điện Miền Nam	-	(314.838)
CN TCT Điện Lực Tp. HCM - Công ty Điện Lực Bình Phú	-	(2.190.658.898)
Công ty Cổ phần Phát triển Năng Lượng Điện Lực Tp.HCM	(503.912.454)	(503.912.454)
Cộng	**(9.351.644.623)**	**(2.694.886.190)**

Phải trả nhà cung cấp	**31/12/2024**	**01/01/2024**
Tổng Công ty Điện lực Tp. HCM - TNHH	(492.423.508)	(492.423.508)
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Tân Thuận	(26.117.023)	(26.117.023)
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Trung tâm Điều độ Hệ thống Điện Tp. HCM	-	(1.371.995)
CN TCT Điện Lực Tp.HCM TNHH - Công ty Thí Nghiệm Điện lực Tp.HCM	-	(1.128.218.433)
Cộng	**(518.540.531)**	**(1.648.130.959)**

Trả trước cho nhà cung cấp	**31/12/2024**	**01/01/2024**
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Dịch vụ Điện lực Tp. HCM	6.434.670	164.401.819
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Trung tâm Điều độ Hệ thống Điện Tp. HCM	142.009.451	-
Cộng	**148.444.121**	**164.401.819**

Phải thu khác	**31/12/2024**	**01/01/2024**
Ông Nguyễn Anh Vũ	208.000.000	96.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện lực Tp. HCM	-	65.141.000
Cộng	**208.000.000**	**161.141.000**

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm, không lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của các bên liên quan và thị trường mà bên liên đó hoạt động.

3. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

+ Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị	Thù lao và thưởng	**Năm 2024**	**Năm 2023**
Ông Nguyễn Thanh Nhã		127.500.000	80.000.000
Ông Nguyễn Anh Vũ		87.000.000	84.000.000
Ông Châu Thanh Phong		91.500.000	84.000.000
Bà Trương Ngô Sen		91.500.000	84.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Loan		49.500.000	84.000.000
Ông Trần Đình Khuyến		-	28.000.000
Cộng		**447.000.000**	**444.000.000**

Ban Kiểm soát	Thù lao và thưởng	**Năm 2024**	**Năm 2023**
Ông Nguyễn Việt Hùng		103.500.000	96.000.000
Bà Đinh Thị Hồng Vân		-	20.000.000
Bà Trịnh Thị Thanh Thảo		60.000.000	60.000.000
Ông Trần Minh Đức		67.500.000	40.000.000
Cộng		**231.000.000**	**216.000.000**

Ban Tổng Giám đốc	Lương và thưởng	**Năm 2024**	**Năm 2023**
Ông Nguyễn Anh Vũ		498.356.000	390.528.000
Ông Đặng Nguyễn Ngọc Nam		329.839.537	147.024.000
Cộng		**828.195.537**	**537.552.000**

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh. Công ty không có chi nhánh, chi hoạt động kinh doanh tại Thành phố Hồ Chí Minh nên không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

4.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh

a. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh niên độ 2024

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty báo cáo hoạt động theo các bộ phận kinh doanh: Thương mại, Tư vấn và Xây lắp. Công ty phân tích doanh thu và giá vốn theo bộ phận như sau:

Bộ phận	**Doanh thu thuần**	**Giá vốn**	**Lãi gộp**
Thương mại	233.144.473.006	232.898.426.375	246.046.631
Tư vấn	5.171.578.063	7.517.148.557	(2.345.570.494)
Xây lắp	139.515.833.621	137.154.562.241	2.361.271.380
Cộng	**377.831.884.690**	**377.570.137.173**	**261.747.517**

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (tiếp theo)

4.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

b. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh niên độ 2023

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty báo cáo hoạt động theo các bộ phận kinh doanh: Thương mại, Tư vấn và Xây lắp. Công ty phân tích doanh thu và giá vốn theo bộ phận như sau:

Bộ phận	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Thương mại	98.556.099.514	94.725.059.524	3.831.039.990
Tư vấn	10.047.728.983	7.639.842.936	2.407.886.047
Xây lắp	51.946.256.190	51.817.949.491	128.306.699
Cộng	**160.550.084.687**	**154.182.851.951**	**6.367.232.736**

5. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Lê Thị Ngọc Lan	**Nguyễn Chánh Trực**	**Nguyễn Anh Vũ**
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

V.2. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn				
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN. Bà Chiểu	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Á Châu - CN. Sài Gòn	94.960.185.094	94.960.185.094	15.674.299.433	15.674.299.433
Cộng	**96.960.185.094**	**96.960.185.094**	**17.674.299.433**	**17.674.299.433**

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 03 đến 12 tháng với lãi suất 2,9% đến 4,8%/năm.

Trong đó, giá trị các khoản tiền gửi được dùng để đảm bảo phát hành thư bảo lãnh tại ngày 31/12/2024 là : 94.446.461.472 VND.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
- Đầu tư vào đơn vị khác	**2.292.603.100**	**(1.200.000.000)**		**2.292.603.100**	**(1.200.000.000)**	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện lực Việt Nam	1.200.000.000	(1.200.000.000)		1.200.000.000	(1.200.000.000)	
Công ty TNHH Công nghệ mới Việt Nga	500.000.000	-		500.000.000	-	
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện lực Tp. HCM	592.603.100	-		592.603.100	-	
Cộng	**2.292.603.100**	**(1.200.000.000)**		**2.292.603.100**	**(1.200.000.000)**	

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường và chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

V.6. Nợ xấu

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	**8.119.884.807**	**258.569.061**	**Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm**	**7.802.746.685**	**-**	
Trung tâm Điện thoại SPT - Công ty Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	648.016.116	-	Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm	648.016.116	-	Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm
Công ty Cổ phần TST Engineering	1.866.689.261	-	Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm	1.866.689.261	-	Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm
Công ty TNHH Xây dựng Số 9	1.314.603.549	-	Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm	1.314.603.549	-	Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ PTN	1.179.061.489	-	Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm	1.179.061.489	-	Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm
Kho bạc Nhà nước Tp. HCM	338.221.078	-	Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm	338.221.078	-	Khoản phải thu khó có khả năng thu hồi
Các đối tượng khác	2.773.293.314	258.569.061	Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm	2.456.155.192	-	Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm

V. 17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	**236.081.650.000**	**(19.700.000.000)**	**1.803.514.172**	**500.285.970**	**218.685.450.142**
Lợi nhuận	-	-	-	1.413.763.317	1.413.763.317
Tăng khác	-	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Số dư cuối năm trước	**236.081.650.000**	**(9.700.000.000)**	**1.803.514.172**	**1.914.049.287**	**230.099.213.459**
Số dư đầu năm nay	**236.081.650.000**	**(9.700.000.000)**	**1.803.514.172**	**1.914.049.287**	**230.099.213.459**
Lợi nhuận	-	-	-	(6.927.972.867)	(6.927.972.867)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(270.000.000)	(270.000.000)
Số dư cuối năm nay	**236.081.650.000**	**(9.700.000.000)**	**1.803.514.172**	**(5.283.923.580)**	**222.901.240.592**

VI. 12. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2024		31/12/2023		31/12/2024	31/12/2023
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	96.960.185.094	-	17.674.299.433	-	96.960.185.094	17.674.299.433
- Phải thu khách hàng	33.379.388.541	(3.879.985.394)	62.649.557.873	(3.821.416.333)	29.499.403.147	58.828.141.540
- Phải thu khác	6.655.337.124	(3.981.330.352)	11.808.497.330	(3.981.330.352)	2.674.006.772	7.827.166.978
- Tiền và các khoản tương đương tiền	41.948.609.068	-	14.658.973.760	-	41.948.609.068	14.658.973.760
TỔNG CỘNG	**178.943.519.827**	**(7.861.315.746)**	**106.791.328.396**	**(7.802.746.685)**	**44.622.615.840**	**98.988.581.711**
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	12.173.278.881	-	-	-	12.173.278.881	-
- Phải trả người bán	64.672.114.602	-	40.216.392.900	-	64.672.114.602	40.216.392.900
- Chi phí phải trả	5.022.534.170	-	6.037.269.441	-	5.022.534.170	6.037.269.441
- Phải trả khác	116.992.602	-	10.225.194.602	-	116.992.602	10.325.194.602
TỔNG CỘNG	**81.984.920.255**	**-**	**56.478.856.943**	**-**	**81.984.920.255**	**56.578.856.943**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HOCHIMINH CITY ELECTRIC POWER TRADING INVESTMENT CORPORATION
Địa chỉ: Số 14A, đường 85, Phường Tân Quy, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam
Điện thoại: +84.28. 2211 7898 Website: http://www.hcmpc-tradincorp.com

DANH MỤC CÁC TỜ TRÌNH XIN Ý KIẾN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

1. Tờ trình 01: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024; Phương án trích lập quỹ và chia cổ tức năm 2024.
2. Tờ trình 02: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025; Kế hoạch chia cổ tức năm 2025;
3. Tờ trình 03: Phương án chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch năm 2025.
4. Tờ trình 04: Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2025.
5. Tờ trình 05: Thay đổi, điều chỉnh ngành, nghề kinh doanh của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.
6. Tờ trình 06: Phương án chào bán 970.000 cổ phiếu quỹ theo hình thức chào bán riêng lẻ.

----------//----------

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Tài liệu này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh thì bản bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0305173790
Địa chỉ: Số 14A, Đường 85, Khu phố 1, P. Tân Quy, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam
Điện thoại: +84.28. 2211 7898 Website: https://tradincorp.vn

Số: **01**/TTr-TRA-ĐHĐCĐ2025 *Tp. HCM, ngày 24 tháng 6 năm 2025*

TỜ TRÌNH

V/v: Kết quả hoạt động SXKD năm 2024;
phương án trích lập quỹ và chia cổ tức năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP. Hồ Chí Minh

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Điều lệ hiện tại của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP Hồ Chí Minh;*
- *Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP Hồ Chí Minh,*

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua:

1. Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024:

- Tổng doanh thu: 378.766.255.017 đồng
- Lợi nhuận sau thuế năm 2024: - 6.927.972.867 đồng
- Lợi nhuận lũy kế năm 2024: - 5.283.923.580 đồng

Số liệu chi tiết trong bảng Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC kiểm toán.

2. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi cổ tức năm 2024:

2.1. Phương án trích lập quỹ:

Dựa trên kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty. Hội đồng quản trị thống nhất xin không trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024.

2.2. Chi trả cổ tức: Không chia cổ tức năm 2024.

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Tài liệu này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh thì bản bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *Lưu VP.*

Nguyễn Thanh Nhã

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Tài liệu này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh thì bản bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0305173790
Địa chỉ: Số 14A, Đường 85, Khu phố 1, P. Tân Quy, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam
Điện thoại: +84.28. 2211 7898 Website: https://tradincorp.vn

Số: **02**/TTr-TRA-ĐHĐCĐ2025 *Tp. HCM, ngày 24 tháng 6 năm 2025*

TỜ TRÌNH

V/v: Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Kế hoạch chia cổ tức năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP. Hồ Chí Minh

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Điều lệ hiện tại của Công ty cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP Hồ Chí Minh,*

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

1. **Kế hoạch SXKD năm 2025:**
   - Tổng doanh thu: 225,000 tỷ đồng
   - Tổng lợi nhuận trước thuế: 2,671 tỷ đồng
2. **Dự kiến kế hoạch chi trả cổ tức 2025:**

   Không chi trả cổ tức.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *Lưu VP.*

Nguyễn Thanh Nhã

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Tài liệu này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh thì bản bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0305173790
Địa chỉ: Số 14A, Đường 85, Khu phố 1, P. Tân Quy, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam
Điện thoại: +84.28. 2211 7898 Website: https://tradincorp.vn

Số: 03/TTr-TRA-ĐHĐCĐ2025 *Tp. HCM, ngày 24 tháng 6 năm 2025*

TỜ TRÌNH

V/v: Thù lao HĐQT, BKS năm 2024 và kế hoạch năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP. Hồ Chí Minh

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Điều lệ hiện tại của Công ty cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP Hồ Chí Minh,*

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua thù lao HĐQT, BKS như sau:

STT	Chức danh	Thù lao 2024 (tr.đ/tháng)	Thù lao 2025 (tr.đ/tháng)
	Hội đồng quản trị		
1	- Chủ tịch	10	10
2	- Thành viên	7	7
	Ban kiểm soát		
3	- Trưởng Ban	8	8
4	- Thành viên	5	5

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thanh Nhã

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *Lưu VP.*

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Tài liệu này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh thì bản bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0305173790
Địa chỉ: Số 14A, Đường 85, Khu phố 1, P. Tân Quy, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam
Điện thoại: +84.28. 2211 7898 Website: https://tradincorp.vn

Số: 04/TTr-TRA-ĐHĐCĐ2025 *Tp. HCM, ngày 24 tháng 6 năm 2025*

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua danh sách và lựa chọn công ty kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP. Hồ Chí Minh

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ CÁC BÁO CÁO KHÁC NĂM 2025 CỦA CÔNG TY:

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Điều lệ hiện tại của Công ty cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP Hồ Chí Minh;*
- *Căn cứ chức năng nhiệm vụ, năng lực của các công ty kiểm toán được Bộ tài chính chấp thuận cho kiểm toán các công ty trên sàn giao dịch,*

Ban kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên phê chuẩn danh sách công ty kiểm toán và Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một đơn vị kiểm toán để thực hiện các báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính và các Báo cáo kiểm toán khác trong năm 2025 và đến thời điểm tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 cho Công ty theo danh sách như sau:

1. Công ty TNHH Kiểm Toán & Dịch Vụ Tin Học Moore AISC
2. Công ty TNHH Kiểm Toán & Tư Vấn UHY
3. Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn A&C

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Tài liệu này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh thì bản bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên.

Đây là các công ty kiểm toán đã được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho kiểm toán các công ty niêm yết và hoàn toàn độc lập với Công ty và độc lập với cán bộ quản lý của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Việt Hùng

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *Lưu VP.*

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0305173790
Địa chỉ: Số 14A, Đường 85, Khu phố 1, P. Tân Quy, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam
Điện thoại: +84.28. 2211 7898 Website: https://tradincorp.vn

Số: 05/TTr-TRA-ĐHĐCĐ2025 *Tp. HCM, ngày 24 tháng 6 năm 2025*

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty để phù hợp với quy định pháp luật hiện hành

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP. Hồ Chí Minh

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 6 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành hệ thống ngành nghề kinh tế Việt Nam;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP.HCM (Công ty Tradincorp);*
- *Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty,*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua việc sửa đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty để phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, cụ thể như sau:

1. Danh mục ngành nghề kinh doanh xóa bỏ:

STT	Ngành nghề xóa bỏ	Mã ngành
1	Điều hành tua du lịch *Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế.*	7912
2	Đại lý, môi giới, đấu giá *Chi tiết: Dịch vụ bán đấu giá tài sản.*	4610

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Tài liệu này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh thì bản bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên.

3	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hoạt động trong lĩnh vực có sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất... làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, phim ảnh...)	8230

2. Danh mục ngành nghề kinh doanh điều chỉnh:

STT	Ngành nghề trước điều chỉnh	Ngành nghề sau điều chỉnh
1.	(7110 - Chính) Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Trắc địa công trình. Hoạt động đo đạc bản đồ. Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Quản lý dự án đầu tư. Lập dự án đầu tư. Thiết kế hệ thống điện công trình công nghiệp và dân dụng. Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng công nghiệp (lắp đặt phân điện và thiết bị điện công trình). Tư vấn đấu thầu. Thẩm tra thiết kế, lập dự toán và tổng dự toán. Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Tư vấn lập hồ sơ mời thầu. Tư vấn xây dựng (trừ khảo sát xây dựng, giám sát thi công, thiết kế công trình). Khảo sát địa hình công trình xây dựng, khảo sát địa chất xây dựng công trình. Thử tĩnh cọc. Kiểm định chất lượng công trình xây dựng. Thí nghiệm vật liệu xây dựng. Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ.	(7110 - Chính) Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan *Chi tiết:* - *Trắc địa công trình;* - *Hoạt động đo đạc và bản đồ;* - *Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;* - *Quản lý dự án đầu tư;* - *Lập dự án đầu tư;* - *Thiết kế hệ thống điện công trình công nghiệp và dân dụng;* - *Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp (lắp đặt phần điện và thiết bị công trình);* - *Tư vấn đấu thầu;* - *Thẩm tra thiết kế, lập dự toán và tổng dự toán;* - *Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;* - *Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;* - *Tư vấn lập hồ sơ mời thầu;* - *Tư vấn xây dựng (trừ khảo sát xây dựng, giám sát thi công, thiết kế công trình);* - *Khảo sát địa hình công trình xây dựng, khảo sát địa chất xây dựng công trình;* - *Thử tĩnh cọc;*

STT	Ngành nghề trước điều chỉnh	Ngành nghề sau điều chỉnh
		- *Kiểm định chất lượng công trình xây dựng;* - *Thí nghiệm vật liệu xây dựng;* - *Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ.* *(trừ Dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; Dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; Dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải).*
2.	(7730) Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác *Chi tiết: Cho thuê hào kỹ thuật, ống tuynen, cống, bể kỹ thuật.* *Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng. Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng.*	(7730) Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển *Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển. Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)*
3.	(4669) Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu *Chi tiết: Bán buôn vật liệu ngành nhựa, sản phẩm nhựa, ống nhựa, hạt nhựa. Bán buôn phân bón (không tồn trữ hóa chất)*	(4669) Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu *Chi tiết: Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa* *(trừ thực hiện quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn góp đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền phân phối)*
4.	(4662) Bán buôn kim loại và quặng kim loại *Chi tiết: Bán buôn đồng, nhôm, thép.*	(4662) Bán buôn kim loại và quặng kim loại *Chi tiết: Bán buôn đồng, nhôm, thép.* *(trừ thực hiện quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn góp đầu*

STT	Ngành nghề trước điều chỉnh	Ngành nghề sau điều chỉnh
		tư nước ngoài không được thực hiện quyền phân phối)
5.	(3511) Sản xuất điện *(trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và xây dựng, vận hành thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân)*	(3511) Sản xuất điện *(trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và xây dựng, quản lý lưới điện phân phối và vận hành thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân)*
6.	(3512) Truyền tải và phân phối điện *Chi tiết: Mua bán điện* *(trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và xây dựng, vận hành thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân)*	(3512) Truyền tải và phân phối điện *Chi tiết: Mua bán điện* *(trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và xây dựng, quản lý lưới điện phân phối và vận hành thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân)*
7.	(2790) Sản xuất thiết bị điện khác *Chi tiết: Sản xuất vật tư, máy móc, thiết bị điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).*	(2790) Sản xuất thiết bị điện khác *Chi tiết: Sản xuất máy móc, thiết bị điện chưa được phân vào đâu (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).*
8.	(2630) Sản xuất thiết bị truyền thông *Chi tiết: Sản xuất thiết bị truyền thông (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).*	(2630) Sản xuất thiết bị truyền thông *Chi tiết: Sản xuất thiết bị truyền thông di động (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).*
9.	(2620) Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính *Chi tiết: Sản xuất máy tính (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).*	(2620) Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính *Chi tiết: Sản xuất máy tính*
10.	(4659) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác *Chi tiết: Mua bán vật tư máy móc thiết bị điện, thiết bị truyền thông*	(4659) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác *Chi tiết: Mua bán vật tư máy móc thiết bị điện, thiết bị truyền thông*

STT	Ngành nghề trước điều chỉnh	Ngành nghề sau điều chỉnh
		Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) *(trừ thực hiện quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn góp đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền phân phối)*
11.	(4651) Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm *Chi tiết: Mua bán máy tính.*	(4651) Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm *Chi tiết: Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi.*
12.	(5510) Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn (không hoạt động tại trụ sở).	(5510) Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn (không hoạt động tại trụ sở).
13.	(4663) Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng *Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất.*	(4663) Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng *(trừ thực hiện quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn góp đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền phân phối)*
14.	(4311) Phá dỡ	(4311) Phá dỡ *(trừ dịch vụ nổ mìn)*
15.	(4330) Hoàn thiện công trình xây dựng	(4330) Hoàn thiện công trình xây dựng *(trừ dịch vụ nổ mìn)*
16.	(4933) Vận tải hàng hóa bằng đường bộ *Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô*	(4933) Vận tải hàng hóa bằng đường bộ *Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng)*

STT	Ngành nghề trước điều chỉnh	Ngành nghề sau điều chỉnh
17.	(5022) Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa *Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa*	(5022) Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa *Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới. Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện thô sơ.*
18.	(6820) Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ quản lý, tư vấn bất động sản (trừ kinh doanh dịch vụ pháp lý).	(6820) Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: *Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất (trừ kinh doanh dịch vụ pháp lý).* *(trừ dịch vụ đấu giá tài sản)*
19.	(4652) Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	(4652) Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông *(trừ thực hiện quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn góp đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền phân phối)*

STT	Ngành nghề trước điều chỉnh	Ngành nghề sau điều chỉnh
20.	(5229) Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Hoạt động của đại lý bán vé máy bay. Dịch vụ logistic.	(5229) Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Hoạt động của đại lý bán vé máy bay. Dịch vụ logistic. *(trừ Dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải; Dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng; dịch vụ thông tin điện tử hàng hải; Dịch vụ kiểm định (kiểm tra, thử nghiệm) và cấp Giấy chứng nhận cho các phương tiện giao thông vận tải (gồm hệ thống, tổng thành, thiết bị, linh kiện của phương tiện); dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị chuyên dùng, container, thiết bị đóng gói hàng nguy hiểm dùng trong giao thông vận tải; dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được lắp đặt trên các phương tiện giao thông vận tải và phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ đăng kiểm tàu cá; Dịch vụ hoa tiêu hàng hải; Dịch vụ hỗ trợ vận tải hàng không).*

STT	Ngành nghề trước điều chỉnh	Ngành nghề sau điều chỉnh
21.	(4211) Xây dựng công trình đường sắt	(4211) Xây dựng công trình đường sắt *(trừ Quản lý, khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị do Nhà nước đầu tư, không bao gồm bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt)*
22.	(4221) Xây dựng công trình điện *Chi tiết: Xây dựng các công trình nguồn điện, lưới điện, nhà máy điện* *(Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền Nhà nước, không hoạt động thương mại theo NĐ 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)*	(4221) Xây dựng công trình điện *Chi tiết: Xây dựng các công trình nguồn điện, lưới điện, nhà máy điện* *(Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền Nhà nước, không hoạt động thương mại theo NĐ 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)* *(trừ thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)*
23.	(4299) Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	(4299) Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác *(trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)*
24.	(4312) Chuẩn bị mặt bằng	(4312) Chuẩn bị mặt bằng *(trừ dịch vụ nổ mìn)*
25.	(6810) Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê *Chi tiết: Kinh doanh bất động sản*	(6810) Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê *Chi tiết: Kinh doanh bất động sản khác* *(trừ Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển quyền nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)*
26.	(7120) Kiểm tra và phân tích kỹ thuật *Chi tiết: Chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực chứng nhận sự*	(7120) Kiểm tra và phân tích kỹ thuật

STT	Ngành nghề trước điều chỉnh	Ngành nghề sau điều chỉnh
	phù hợp về chất lượng công trình xây dựng	*Chi tiết: Chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng.* *(trừ dịch vụ kiểm định (kiểm tra, thử nghiệm) và cấp Giấy chứng nhận cho các phương tiện giao thông vận tải (gồm hệ thống, tổng thành, thiết bị, linh kiện của phương tiện); dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị chuyên dùng, container, thiết bị đóng gói hàng nguy hiểm dùng trong giao thông vận tải; dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được lắp đặt trên các phương tiện giao thông vận tải và phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ đăng kiểm tàu cá.)*
27.	(7820) Cung ứng lao động tạm thời (trừ cho thuê lại lao động)	(7820) Cung ứng lao động tạm thời (trừ cho thuê lại lao động) *(trừ dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng)*

3. Danh mục ngành, nghề kinh doanh sau khi xóa bỏ, điều chỉnh:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh
1.	(7110 - Chính) Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan *Chi tiết:* - *Trắc địa công trình;* - *Hoạt động đo đạc và bản đồ;* - *Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;*

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh
	- *Quản lý dự án đầu tư;* - *Lập dự án đầu tư;* - *Thiết kế hệ thống điện công trình công nghiệp và dân dụng;* - *Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp (lắp đặt phần điện và thiết bị công trình);* - *Tư vấn đấu thầu;* - *Thẩm tra thiết kế, lập dự toán và tổng dự toán;* - *Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;* - *Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;* - *Tư vấn lập hồ sơ mời thầu;* - *Tư vấn xây dựng (trừ khảo sát xây dựng, giám sát thi công, thiết kế công trình);* - *Khảo sát địa hình công trình xây dựng, khảo sát địa chất xây dựng công trình;* - *Thử tĩnh cọc;* - *Kiểm định chất lượng công trình xây dựng;* - *Thí nghiệm vật liệu xây dựng;* - *Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ.* *(trừ Dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; Dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; Dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải).*
2.	(8560) Dịch vụ hỗ trợ giáo dục *Chi tiết: Tư vấn giáo dục, dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục, dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục, dịch vụ kiểm tra giáo dục, tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.*
3.	(6622) Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm *Chi tiết: Đại lý bảo hiểm*
4.	(7490) Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh
	Chi tiết: Tư vấn chuyển giao công nghệ. Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, điều tra tác động môi trường. Kinh doanh dịch vụ giám định thương mại.
5.	(7730) Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển *Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển. Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)*
6.	(4669) Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu *Chi tiết: Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa* *(trừ thực hiện quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn góp đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền quyền phân phối)*
7.	(4662) Bán buôn kim loại và quặng kim loại *Chi tiết: Bán buôn đồng, nhôm, thép.* *(trừ thực hiện quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn góp đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền phân phối)*
8.	*(5610) Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động* *Chi tiết: Nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở).*
9.	(3511) Sản xuất điện *(trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và xây dựng, quản lý lưới điện phân phối và vận hành thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân)*
10.	(3512) Truyền tải và phân phối điện *Chi tiết: Mua bán điện* *(trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và xây dựng, quản lý lưới điện phân phối và vận hành thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân)*
11.	(2790) Sản xuất thiết bị điện khác *Chi tiết: Sản xuất máy móc, thiết bị điện chưa được phân vào đâu (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).*

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh
12.	(2630) Sản xuất thiết bị truyền thông *Chi tiết: Sản xuất thiết bị truyền thông di động (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).*
13.	(2620) Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính *Chi tiết: Sản xuất máy tính (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).*
14.	(4659) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác *Chi tiết: Mua bán vật tư máy móc thiết bị điện, thiết bị truyền thông* *Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)* *(trừ thực hiện quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn góp đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền quyền phân phối)*
15.	(4651) Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm *Chi tiết: Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi.*
16.	(5510) Dịch vụ lưu trú ngắn ngày *Chi tiết: khách sạn (không hoạt động tại trụ sở).*
17.	(4663) Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng *(trừ thực hiện quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn góp đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền quyền phân phối)*
18.	(6619) Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu *Chi tiết: Dịch vụ tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán)*
19.	(4311) Phá dỡ *(trừ dịch vụ nổ mìn)*
20.	(4330) Hoàn thiện công trình xây dựng *(trừ dịch vụ nổ mìn)*

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh
21.	(7710) Cho thuê xe có động cơ *Chi tiết: Cho thuê ôtô.*
22.	(3314) Sửa chữa thiết bị điện
23.	(4933) Vận tải hàng hóa bằng đường bộ *Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng)*
24.	(5022) Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa *Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới. Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện thô sơ.*
25.	(5012) Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương *Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường biển*
26.	(6820) Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: *Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất (trừ kinh doanh dịch vụ pháp lý).* *(trừ dịch vụ đấu giá tài sản)*
27.	(7020) Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán)
28.	(4652) Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông *(trừ thực hiện quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn góp đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền quyền phân phối)*
29.	(4741) Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh *Chi tiết: Bán lẻ thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh.*
30.	(5229) Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Hoạt động của đại lý bán vé máy bay. Dịch vụ logistic *(trừ Dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; dịch vụ khảo sát khu nước, vùng*

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh
	nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải; Dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng; dịch vụ thông tin điện tử hàng hải; Dịch vụ kiểm định (kiểm tra, thử nghiệm) và cấp Giấy chứng nhận cho các phương tiện giao thông vận tải (gồm hệ thống, tổng thành, thiết bị, linh kiện của phương tiện); dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị chuyên dùng, container, thiết bị đóng gói hàng nguy hiểm dùng trong giao thông vận tải; dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được lắp đặt trên các phương tiện giao thông vận tải và phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ đăng kiểm tàu cá; Dịch vụ hoa tiêu hàng hải; Dịch vụ hỗ trợ vận tải hàng không).
31.	(4101) Xây dựng nhà để ở *Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư.*
32.	(4102) Xây dựng nhà không để ở
33.	(4211) Xây dựng công trình đường sắt *(trừ Quản lý, khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị do Nhà nước đầu tư, không bao gồm bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt)*
34.	(4212) Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ. Xây dựng công trình công nghiệp.
35.	(4221) Xây dựng công trình điện *Chi tiết: Xây dựng các công trình nguồn điện, lưới điện, nhà máy điện* *(Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền Nhà nước, không hoạt động thương mại theo NĐ 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)* *(trừ thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)*
36.	(4299) Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh
	(trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)
37.	(4312) Chuẩn bị mặt bằng *(trừ dịch vụ nổ mìn)*
38.	(4321) Lắp đặt hệ thống điện
39.	(4322) Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí *Chi tiết: Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh r22 trong lĩnh vực chế biến thủy sản)*
40.	(4329) Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
41.	(6810) Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê *Chi tiết: Kinh doanh bất động sản khác* *(trừ Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển quyền nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)*
42.	(7120) Kiểm tra và phân tích kỹ thuật *Chi tiết: Chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng.* *(trừ dịch vụ kiểm định (kiểm tra, thử nghiệm) và cấp Giấy chứng nhận cho các phương tiện giao thông vận tải (gồm hệ thống, tổng thành, thiết bị, linh kiện của phương tiện); dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị chuyên dùng, container, thiết bị đóng gói hàng nguy hiểm dùng trong giao thông vận tải; dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được lắp đặt trên các phương tiện giao thông vận tải và phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ đăng kiểm tàu cá.)*
43.	(7820) Cung ứng lao động tạm thời (trừ cho thuê lại lao động) *(trừ dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng)*

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Tài liệu này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh thì bản bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên.

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh
44.	(7830) Cung ứng và quản lý nguồn lao động *Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước*
45.	(4222) Xây dựng công trình cấp, thoát nước
46.	(4223) Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *Lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0305173790 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - QUẬN 7 - T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thanh Nhã

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0305173790
Địa chỉ: Số 14A, Đường 85, Khu phố 1, P. Tân Quy, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam
Điện thoại: +84.28. 2211 7898 Website: https://tradincorp.vn

Số: 06/TTr-TRA-ĐHĐCĐ2025 *Tp. HCM, ngày 2 tháng 6 năm 2025*

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Phương án bán cổ phiếu quỹ theo hình thức chào bán riêng lẻ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP. Hồ Chí Minh

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ hiện tại của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP.HCM;*
- *Căn cứ nhu cầu thực tế của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP.HCM,*

Hội đồng Quản trị ("HĐQT") Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP.HCM kính trình Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") thường niên năm 2025 xem xét và thông qua việc tiếp tục thực hiện Phương án bán cổ phiếu quỹ theo hình thức chào bán riêng lẻ, chi tiết như sau:

I. Báo cáo tiến độ thực hiện:

Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") thường niên năm 2024 đã thông qua Phương án bán cổ phiếu quỹ theo hình thức chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 số 014/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị vẫn chưa triển khai phương án này do đang trong quá trình tìm chưa được nhà đầu tư.

II. Tiếp tục thực hiện Phương án bán cổ phiếu quỹ theo hình thức chào bán cổ phiếu riêng lẻ với phương án cụ thể như sau:

1. **Tên cổ phiếu :** Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP.HCM
2. **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Tài liệu này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh thì bản bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên.

3. **Mã chứng khoán:** HTE
4. **Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng/cổ phiếu
5. **Vốn điều lệ hiện nay:** 236.081.650.000 đồng
6. **Số lượng cổ phiếu đã phát hành:** 23.608.165 cổ phiếu

   Trong đó:

   - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 22.638.165 cổ phiếu
   - Số lượng cổ phiếu quỹ : 970.000 cổ phiếu

7. **Số lượng cổ phiếu quỹ chào bán tối đa:** 970.000 cổ phiếu
8. **Giá trị cổ phiếu quỹ chào bán tính theo mệnh giá:** 9.700.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ bảy trăm triệu đồng)
9. **Số lượng cổ phiếu đang lưu hành thay đổi dự kiến:**
   - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành trước đợt chào bán: 22.638.165 cổ phiếu
   - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành dự kiến tăng thêm: 970.000 cổ phiếu
   - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành dự kiến sau đợt chào bán: 23.608.165 cổ phiếu
10. **Số lượng cổ phiếu quỹ thay đổi dự kiến:**
    - Số lượng cổ phiếu quỹ trước đợt chào bán: 970.000 cổ phiếu
    - Số lượng cổ phiếu quỹ dự kiến giảm: 970.000 cổ phiếu
    - Số lượng cổ phiếu quỹ dự kiến sau đợt chào bán: 0 cổ phiếu
11. **Sự thay đổi của Vốn điều lệ:**
    - Vốn điều lệ trước đợt chào bán: 236.081.650.000 đồng
    - Vốn điều lệ thay đổi: 0 đồng
    - Vốn điều lệ sau đợt chào bán: 236.081.650.000 đồng
12. **Hình thức phát hành:** Sử dụng cổ phiếu quỹ chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư
13. **Mục đích chào bán:** Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty

14. **Nguyên tắc xác định giá chào bán:** Theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu

15. **Giá chào bán:** 10.000 đồng/cổ phiếu

16. **Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá:** 9.700.000.000 đồng.

17. **Đối tượng chào bán:** Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp

    + Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư: Là tổ chức, cá nhân trong nước có tiềm lực tài chính, đáp ứng điều kiện nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.
    + Số lượng: Không quá 100 nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp
    + Đối tượng chào bán:
        - Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn nhà đầu tư đáp ứng điều kiện nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định pháp luật.
        - Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định số lượng cổ phiếu phân phối cho từng nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.

18. **Tỷ lệ số lượng cổ phiếu chào bán (số lượng cổ phiếu quỹ đăng ký chào bán/ số lượng cổ phiếu đang lưu hành):** 4,28%.

19. **Phương án xử lý cổ phiếu không phân phối hết:** Số lượng cổ phiếu không phân phối hết theo dự kiến sẽ được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT ra quyết định chào bán cho các nhà đầu tư trong nước đáp ứng điều kiện nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định pháp luật với giá bán không thấp hơn giá chào bán nêu trên và các điều kiện chào bán đã được ĐHĐCĐ thông qua, phù hợp với các quy định pháp luật. Trong trường hợp HĐQT vẫn không tìm được nhà đầu tư phù hợp, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh giảm tổng số lượng cổ phiếu chào bán theo đúng số lượng cổ phiếu thực tế đã phân phối.

20. **Hạn chế chuyển nhượng:** Số cổ phiếu phát hành thêm này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.

21. **Thời gian dự kiến chào bán:** Dự kiến từ Quý 3/2025; Sau khi UBCKNN có chấp thuận bằng văn bản và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được đầy đủ hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT quyết định thời gian chào bán phù hợp.

22. **Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:** Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng để thanh toán cho các đối tác phục vụ công trình xây dựng hệ thống mương, hào kỹ thuật và ống phục vụ ngầm hóa lưới điện và cáp viễn thông trong dự án nâng cấp tuyến đường Lương Đình Của, Quận 2.

    ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định phương án sử dụng vốn chi tiết phù hợp với phương án sử dụng vốn đã được ĐHĐCĐ thông qua, và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

23. **Phương án bù đắp thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán:**

Trường hợp không thu đủ số vốn theo phương án bán cổ phiếu quỹ theo hình thức chào bán cổ phiếu riêng lẻ, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT chủ động tìm kiếm nguồn vốn tài trợ bổ sung khác phù hợp với tình hình thực tế của công ty và quy định của pháp luật.

24. **Cam kết việc đưa chứng khoán vào giao dịch trên thị trường chứng khoán có tổ chức:** Sau khi kết thúc đợt chào bán, ĐHĐCĐ thông qua và ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu và chuyển loại cổ phần với Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) theo quy định của pháp luật.

25. **Ủy quyền Hội đồng quản trị:**

    Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan tới việc chào bán như sau:

    - Lựa chọn thời điểm thích hợp để triển khai phương án phát hành. Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép chào bán gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác. Đồng thời, chủ động điều chỉnh Phương án chào bán và các hồ sơ khác có liên quan theo tình hình thực tế của Doanh nghiệp hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác;
    - Chủ động xây dựng phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật;
    - Lựa chọn nhà đầu tư đáp ứng điều kiện nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và số lượng cổ phiếu phân phối cho từng nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;
    - Quyết định phương án xử lý trong trường hợp không thu đủ số vốn theo Phương án phát hành theo đúng quy định của Pháp luật;
    - Quyết định phương án xử lý đối với cổ phiếu của đợt chào bán không phân phối hết (nếu có);

- Triển khai phương án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán phù hợp với mục đích chào bán đã được ĐHĐCĐ thông qua, đảm bảo lợi ích của cổ đông, Công ty; Tuân thủ quy định của Pháp luật và báo cáo ĐHĐCĐ trong kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất;
- Thực hiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu và chuyển loại cổ phần với Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam theo quy định của pháp luật.
- Tùy từng trường hợp cụ thể, Hội đồng quản trị được ủy quyền lại cho Tổng Giám đốc để thực hiện một hoặc một số công việc cụ thể nêu trên;
- Các vấn đề khác có liên quan đến việc bán cổ phiếu quỹ theo hình thức chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *Lưu VP.*

Nguyễn Thanh Nhã

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Tài liệu này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh thì bản bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên.